

VĨ MÔ VÀ CHIẾN LƯỢC

Vững vàng trước gió tây

Công ty cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Đồng Thanh Tuấn

tuán.dt@miraeasset.com.vn

NỘI DUNG

[Tóm tắt]

- | | |
|---|-----------|
| ① Bối cảnh toàn cầu | 4 |
| Hiệu suất giao dịch của các chỉ số chứng khoán chính | |
| Thương Chiến có thể mang lại kết quả khác với dự kiến ban đầu | |
| ② Thị trường tiền tệ | 7 |
| Tỷ giá USD/VND | |
| Lãi suất liên ngân hàng | |
| Trái phiếu Chính phủ | |
| ③ Thị trường trái phiếu doanh nghiệp | 9 |
| Tổng quan tháng 2 | |
| Hoạt động phát hành | |
| Hoạt động mua lại trước hạn | |
| Danh sách trái phiếu đáo hạn trong tháng 3 | |
| ④ Thị trường chứng khoán Việt Nam | 14 |
| Diễn biến giao dịch | |
| Phân loại giá trị giao dịch theo các nhóm nhà đầu tư | |
| Thống kê theo ngành và kết quả kinh doanh quý 4/2024 | |
| Triển vọng | |



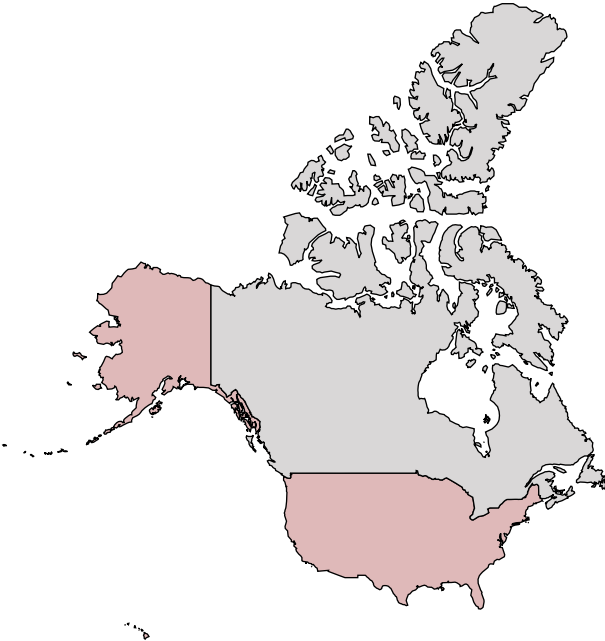
[Tóm tắt]

Vững vàng trước gió tây

- **Hoa Kỳ quyết định áp thuế đối với Canada và Mexico sau 30 ngày tạm hoãn và đồng thời gia tăng thuế quan đối với Trung Quốc.** Các chỉ số chứng khoán chính của Hoa Kỳ (Dow Jones, S&P 500, Nasdaq) giảm mạnh sau thông báo, phản ánh sự lo ngại của nhà đầu tư. Ngược lại, phản ứng của giới đầu tư tại các thị trường chứng khoán khác như Trung Quốc, Canada lẫn Mexico đều không ghi nhận áp lực bán đáng kể và thậm chí đều tăng điểm. Sự khác biệt này cho thấy giới đầu tư hiện đang nhận định tác động của chiến tranh thương mại có phần ít nghiêm trọng hơn so với dự báo ban đầu của các nhà kinh tế.
- Tại Việt Nam, **thị trường chứng khoán không ghi nhận các phiên giảm điểm bất ngờ và tương đối khởi sắc trước các biến động từ bên ngoài khi VN-Index vượt mốc 1.300 điểm (+3,2% so với tháng trước)** với động lực chính đến từ nhóm cổ phiếu ngân hàng và dòng tiền luân chuyển vào các ngành Thép, Bất động sản và Xây dựng. Điều này nhờ vào cơ cấu vốn hóa thị trường với các nhóm ngành có mức độ phơi nhiễm rủi ro thấp trước thương chiến và chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi các yếu tố nội địa như Ngân hàng (chiếm tới 40,5% vốn hóa sàn HOSE) và Bất động sản – và cấu trúc hàng hóa xuất khẩu có tỉ trọng lớn đến từ các doanh nghiệp FDI, giúp hạn chế đáng kể rủi ro từ thuế quan. Bên cạnh đó, việc thu hẹp thâm hụt thương mại với Mỹ thông qua nhập khẩu khí tự nhiên hóa lỏng (LNG) và máy bay, cùng dòng vốn FDI ổn định khi các nhà sản xuất dịch chuyển khỏi Trung Quốc, tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong việc củng cố tăng trưởng kinh tế.
- **Trong đó, tỷ giá tăng nhẹ trong tháng 2 với mức mất giá tính từ đầu năm đạt 0,7%.** Tuy nhiên, chúng tôi kỳ vọng áp lực tỷ giá sẽ không quá mạnh mẽ trong năm 2025 khi USD sẽ chịu áp lực giảm giá đến từ chính sách khuyến khích dịch chuyển nhà máy sản xuất trở về Mỹ.
- **Trên thị trường trái phiếu chính phủ, tâm lý thận trọng gia tăng khi lợi suất trái phiếu đạt mức cao nhất kể từ tháng 11/2023.** Lợi suất trái phiếu kỳ hạn 10 năm tăng lên mức 2,97%, tăng 14 điểm cơ bản so với tháng trước, do nhà đầu tư lo ngại rủi ro từ căng thẳng thương mại và lộ trình hạ lãi suất còn nhiều thách thức của Fed. Trong khi đó, thị trường trái phiếu doanh nghiệp vẫn khá trầm lắng, với 2,15 nghìn tỷ đồng được mua lại trước hạn và không có giao dịch phát hành mới – điều thường thấy trong giai đoạn đầu năm.
- **Trong tháng 3,** thị trường Việt Nam đang tiến gần hơn đến khả năng được nâng hạng lên thị trường mới nổi của FTSE Russell vào tháng 9/2025. Các cải cách pháp lý, đặc biệt là giao dịch không yêu cầu ký quỹ trước bằng tiền (Non-prefunding), đã đạt được những bước tiến đáng kể, dù vẫn cần thêm thời gian để hoàn thiện quy trình thanh toán và xử lý giao dịch thất bại. Bên cạnh đó, mùa đại hội cổ đông sắp tới dự kiến sẽ cung cấp thước đo tăng trưởng phù hợp của chỉ số sàn HOSE trong năm 2025 khi đồng thời được củng cố bởi mục tiêu tăng trưởng GDP 8% của Việt Nam và khả năng hoàn thành mục tiêu lợi nhuận bình quân thường đạt 103% kế hoạch. **VN-Index được kỳ vọng sẽ kiểm tra ngưỡng kháng cự 1.330 điểm,** với khả năng dòng tiền luân chuyển vào các nhóm ngành có triển vọng phục hồi như Thép và Bất động sản. Trên bình diện quốc tế, biên bản dự phóng kinh tế và lộ trình hạ lãi suất của Cục Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ (Fed) sẽ là tâm điểm đáng chú ý; bên cạnh là rủi ro áp thuế đối ứng đến từ Mỹ cùng diễn biến địa chính trị trong cuộc xung đột Nga-Ukraine, cũng như áp lực giảm phát từ tình trạng dư cung đối với dầu mỏ và hoạt động sản xuất vẫn chưa được cải thiện đáng kể tại Châu Âu và Trung Quốc.

① Bối cảnh toàn cầu

Quốc gia	Chỉ số	Giá đóng cửa	Tháng 2
Việt Nam	VN-Index	1.305,36	3,19%
Mỹ	S&P 500	5.954,50	-1,87%
Canada	TSX	25.393,45	-0,10%
Nhật	Nikkei 225	37.155,50	-4,77%
Trung Quốc	SHCOMP	3.320,90	2,16%
Hồng Kông	Hang Seng	22.941,32	13,43%
Đài Loan	TWSE	23.053,18	-2,01%
Hàn Quốc	KOSPI	2.532,78	-0,16%
Ấn Độ	SENSEX	73.198,10	-3,56%
Indonesia	JCI	6.270,60	-12,50%
Thái Lan	SET	1.203,72	-10,56%
Singapore	STI	3.895,70	2,49%
Malaysia	FBMKLCI	1.574,70	1,42%
Philippines	PSEi	5.997,97	-2,53%
Vương quốc Anh	FTSE 100	8.809,74	3,23%
Pháp	CAC 40	8.111,63	2,71%
Đức	DAX	22.551,43	5,23%
Ý	IT 40	38.655,09	6,94%
Úc	ASX 200	8.172,35	-2,70%
New Zealand	NZX 50	12.601,42	-2,75%



Powered by Bing
© Australian Bureau of Statistics, GeoNames, Microsoft, Navinfo, OpenStreetMap, TomTom, Zenrin

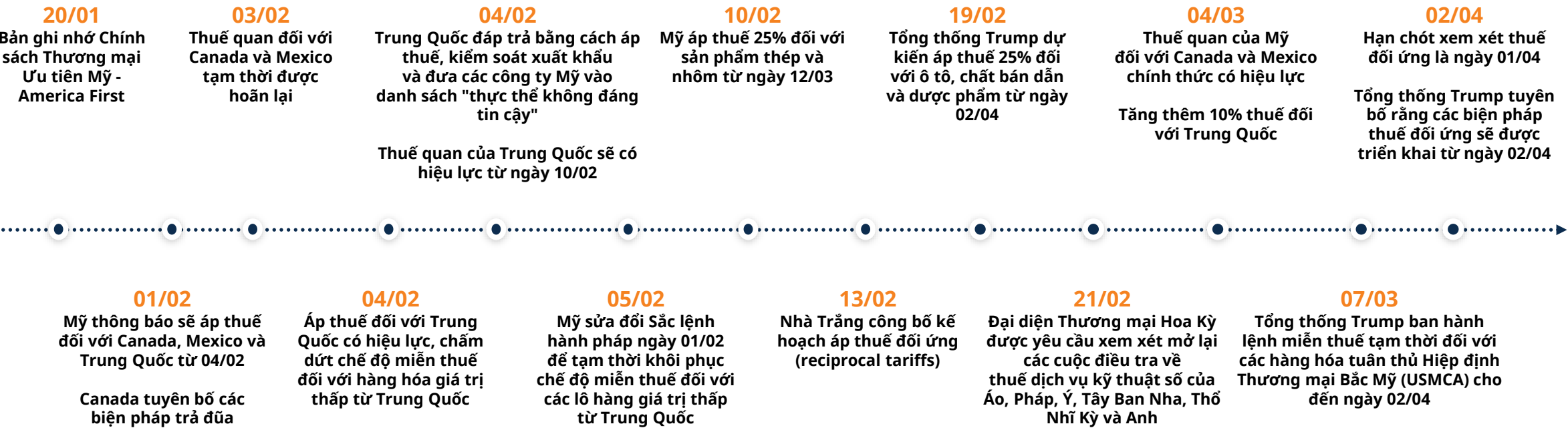
① Bối cảnh toàn cầu (Tiếp theo)

Thương Chiến có thể mang lại kết quả khác với dự kiến ban đầu

- Mỹ đã gia tăng các biện pháp bảo hộ bằng cách áp thuế quan đối với Canada và Mexico sau thời gian gia hạn 30 ngày, đồng thời nâng mức thuế đối với hàng nhập khẩu từ Trung Quốc thêm 20% so với mức thuế trong giai đoạn 2018-2019. Động thái này làm gia tăng rủi ro về sự phân mảnh trong thương mại quốc tế và tái cấu trúc chuỗi cung ứng toàn cầu.
- **Phản ứng của thị trường đối với chiến tranh thương mại vẫn còn nhiều điểm trái chiều.** Các chỉ số chứng khoán chính của Hoa Kỳ (Dow Jones, S&P 500, Nasdaq) giảm mạnh sau thông báo, phản ánh sự lo ngại của nhà đầu tư trước các rào cản thương mại gia tăng với các đồng minh lâu năm. Ngược lại, phản ứng của giới đầu tư tại các thị trường chứng khoán khác như Trung Quốc, Canada lẫn Mexico đều không ghi nhận áp lực bán đáng kể và thậm chí đều tăng điểm. Sự khác biệt này cho thấy giới đầu tư hiện đang nhận định tác động của chiến tranh thương mại có phần ít nghiêm trọng hơn so với dự báo ban đầu của các nhà kinh tế, khi sắc xanh của cổ phiếu có thể sẽ tiếp diễn cho đến khi tác động của thuế quan làm suy giảm triển vọng về tăng trưởng, được phản ánh qua sự giảm tốc trong các hoạt động kinh tế. Trong khi đó, Hoa Kỳ sẽ chịu ảnh hưởng trực tiếp từ thuế quan, khi sức mua của người tiêu dùng suy yếu do giá hàng hóa tăng cao.
- Trong bài nghiên cứu "A User's Guide to Restructuring the Global Trading System" của Stephen Miran (Tiến sĩ Harvard, cựu Cố vấn Cấp cao thuộc Bộ Tài chính Hoa Kỳ, và đồng thời là chiến lược gia tại Hudson Bay Capital), **thuế quan được xem là công cụ mang tính chiến lược trong đàm phán thương mại và giảm giá trị đồng USD** – một cơ chế nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành sản xuất Hoa Kỳ thông qua việc thu hẹp chênh lệch chi phí lao động. Một nghịch lý khác đến từ việc Tổng thống Trump thường xuyên nhấn mạnh lập trường ủng hộ gia tăng sức mạnh của đồng USD, chỉ số DXY đã giảm 4,7% kể từ khi ông nhậm chức, trong khi lợi suất trái phiếu kho bạc kỳ hạn 10 năm đã giảm từ mức đỉnh 4,8% vào T11/2023 xuống còn 4,2% tính đến 05/03. Tất nhiên chúng tôi không loại trừ sự trùng hợp ngẫu nhiên đến từ các yếu tố thuận lợi đến từ diễn biến hạ nhiệt của lạm phát cùng với tăng trưởng GDP và tỉ lệ thất nghiệp đều duy trì ở mức tích cực trong cùng giai đoạn; dù vậy, các yếu tố này vẫn đang củng cố lẫn nhau và duy trì sự mạnh mẽ của kinh tế Hoa Kỳ thông qua America Exceptionalism để củng cố chiến lược "Renewal of the American dream".
- **Phản ứng của nhà đầu tư tại thị trường Việt Nam trước Thương chiến:** So với các quốc gia khác trong khu vực hoặc các quốc gia có mức độ phơi nhiễm rủi ro tương tự, phản ứng của nhà đầu tư tại thị trường Việt Nam cho thấy rủi ro từ thương chiến đối với Việt Nam dường như đã được kiểm soát và không đáng kể như từng lo ngại trước đó. Chúng tôi nhận thấy một số yếu tố quan trọng đã hỗ trợ quan điểm này của thị trường:
 - **Cơ cấu thị trường và tỉ trọng vốn hóa:** Thị trường chứng khoán Việt Nam chủ yếu được dẫn dắt bởi các nhóm ngành như Ngân hàng (chiếm 40,5% tổng vốn hóa sàn HOSE), Bất động sản (12,5%), Nguyên vật liệu (9%), và Thực phẩm & Đồ uống (7,6%). Đây đều là các nhóm ngành có mức độ phơi nhiễm rủi ro thấp trước thương chiến và chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi các yếu tố nội địa, ngoại trừ ngành thép – vốn chịu tác động từ xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ.
 - **Cơ cấu thâm hụt thương mại:** Mục tiêu của Mỹ trong thương chiến là cân bằng thâm hụt thương mại và áp thuế nhập khẩu đối với các quốc gia có thâm hụt lớn với Mỹ. Tuy nhiên, phần lớn thâm hụt thương mại của Việt Nam với Hoa Kỳ lại đến từ các mặt hàng như linh kiện điện tử, điện thoại, máy móc – chủ yếu do các doanh nghiệp FDI sản xuất. Điều này khiến mức độ rủi ro bị áp thuế nhập khẩu đối với Việt Nam trở nên hạn chế.
 - **Đòn bẩy đàm phán:** Việt Nam vẫn duy trì khả năng đàm phán với Hoa Kỳ trong việc thu hẹp thâm hụt thương mại thông qua các nỗ lực nhập khẩu khí tự nhiên hóa lỏng (LNG) và máy bay từ Mỹ. Đây là những bước đi chiến lược nhằm giảm căng thẳng thương mại giữa hai quốc gia.
 - **Hưởng lợi từ dịch chuyển chuỗi cung ứng:** Việt Nam tiếp tục được hưởng lợi từ sự dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu khi các nhà sản xuất đa dạng hóa cơ sở sản xuất ra khỏi Trung Quốc. Điều này giúp Việt Nam thu hút dòng vốn FDI mạnh mẽ, đặc biệt trong lĩnh vực sản xuất, từ đó củng cố vị thế của mình trong chuỗi giá trị toàn cầu.

① Bối cảnh toàn cầu (Tiếp theo)

Thương chiến 2.0

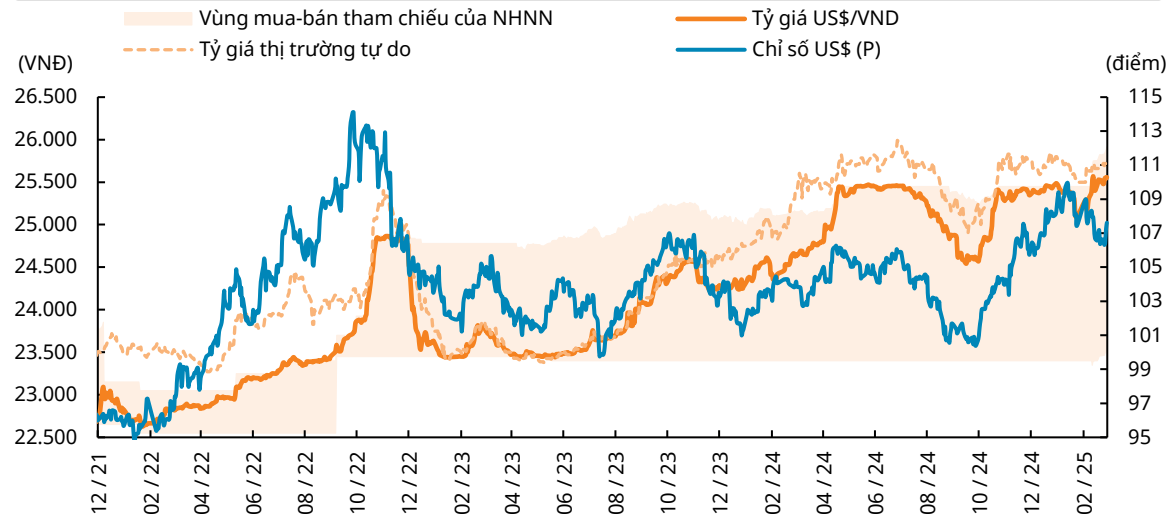


② Thị trường tiền tệ

Tỷ giá tăng nhẹ trong tháng 2 song áp lực sẽ không quá mạnh mẽ

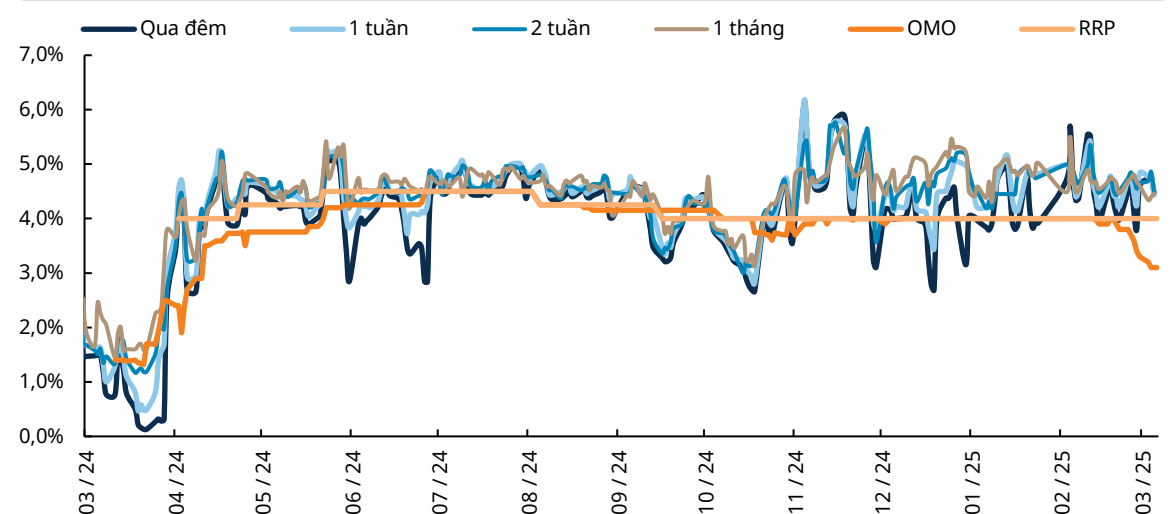
- Sau giai đoạn tương đối thuận lợi của tháng 1, áp lực dần trở lại trong tháng 2 với tỷ giá bán tại Vietcombank ghi nhận VND25,730 (tương ứng với mức mất giá tính từ đầu năm đạt 0,7%, so với mức -1% của tháng 1). Tại đây, lãi suất duy trì ở mức cao tại Mỹ với triển vọng hạ lãi suất được đẩy lùi về giai đoạn nửa sau của 2025 do ảnh hưởng của Thương chiến và lạm phát dai dẳng tiếp tục tạo sức ép đối với đồng tiền nội tệ trong nửa đầu 2025. Dù vậy, áp lực tỷ giá trong năm 2025 dự kiến sẽ không đáng kể khi so sánh với chu kỳ nâng lãi suất với quy mô lớn trong thời gian ngắn của Fed vào năm 2022-2023; đặc biệt trong bối cảnh chiến lược của Hoa Kỳ dự kiến sẽ làm giảm giá trị của đồng USD trong tương lai nhằm kích thích hoạt động dịch chuyển các nhà máy sản xuất trở về Mỹ - điều này đồng thời làm giảm áp lực về mặt tỷ giá đối với Việt Nam.
- Trong tháng 2, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã phát hành tín phiếu với tổng giá trị 64,3 nghìn tỷ đồng thông qua hoạt động thị trường mở (OMO) với kỳ hạn 7 ngày, lãi suất giảm từ 4% xuống 3,3% tính đến ngày 28 tháng 2. Bên cạnh đó, NHNN đồng thời bơm 286 nghìn tỷ đồng thông qua công cụ hợp đồng mua lại đảo ngược (RRP) với hai kỳ hạn: 7 ngày và 14 ngày, cả hai đều có lãi suất 4%.

Tương quan giữa tỷ giá USD/VND và chỉ số DXY



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, FiinPro, NHNN; cập nhật tới 06/03/2025

Lãi suất liên ngân hàng



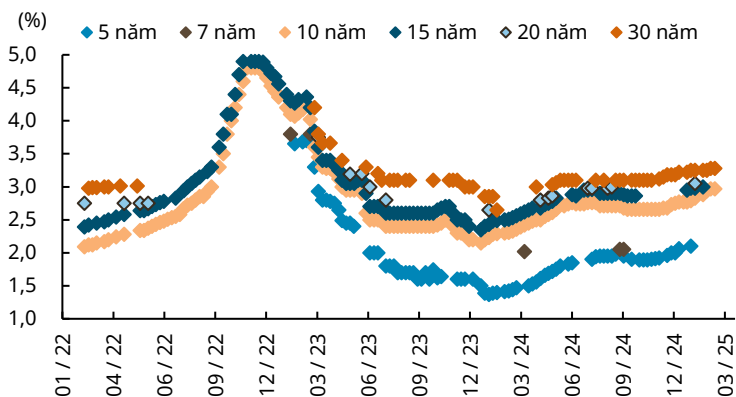
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ FiinPro, NHNN; cập nhật tới 06/03/2025

② Thị trường tiền tệ (Tiếp theo)

Lợi suất trái phiếu tăng lên mức cao nhất kể từ T11/2023

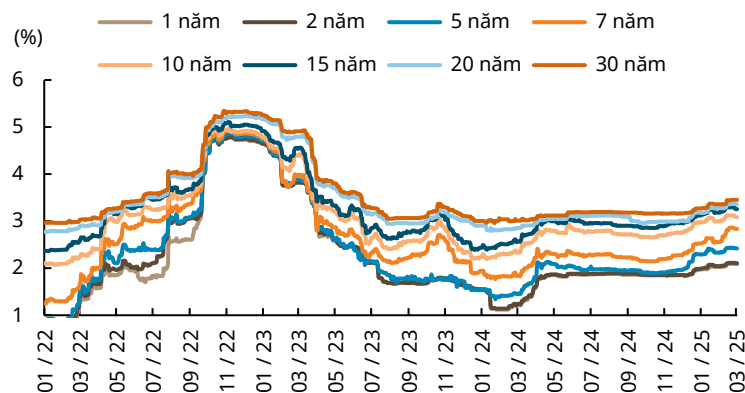
- Trong tháng 2, Kho bạc Nhà nước Việt Nam đã huy động được 29.129 tỷ đồng thông qua phát hành trái phiếu chính phủ (tương đương 58% tổng giá trị chào bán), với tỷ lệ đặt thầu đạt 0,96 lần (tháng 1 là 0,79 lần). Giá trị trúng thầu theo từng kỳ hạn cụ thể như sau: kỳ hạn 10 năm (28.060 tỷ đồng); kỳ hạn 15 năm (300 tỷ đồng); và kỳ hạn 30 năm (769 tỷ đồng).
 - Lợi suất trúng thầu trong tháng 2 tiếp tục tăng đáng kể trong bối cảnh các nhà đầu tư dần định giá rủi ro cao hơn trước những bất ổn gia tăng từ căng thẳng thương mại và lộ trình cắt lãi suất của Fed. Đường cong lợi suất có diễn biến như sau: kỳ hạn 10 năm (tăng 14 điểm cơ bản lên 2,97%), kỳ hạn 15 năm (tăng 2 điểm cơ bản lên 3%) và kỳ hạn 30 năm (tăng 3 điểm cơ bản lên 3,28%).
- Trên thị trường thứ cấp, lợi suất tiếp tục tăng ở tất cả các kỳ hạn. Cụ thể, đường cong lợi suất diễn biến như sau: kỳ hạn 1 năm (tăng 6,3 điểm cơ bản lên 2,088%), kỳ hạn 2 năm (tăng 6,4 điểm cơ bản lên 2,11%), kỳ hạn 5 năm (tăng 8,3 điểm cơ bản lên 2,417%), kỳ hạn 7 năm (tăng 28,4 điểm cơ bản lên 2,837%), kỳ hạn 10 năm (tăng 9,3 điểm cơ bản lên 3,088%), kỳ hạn 15 năm (tăng 7,4 điểm cơ bản lên 3,258%), kỳ hạn 20 năm (tăng 8,5 điểm cơ bản lên 3,36%) và kỳ hạn 30 năm (tăng 9,4 điểm cơ bản lên 3,452%).

Lợi suất trúng thầu trên thị trường sơ cấp



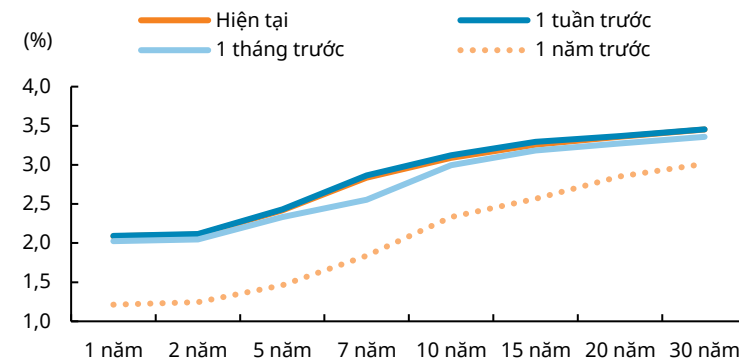
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp,
Dữ liệu từ HNX, cập nhật tới 28/02/2025

Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp,
Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 28/02/2025

Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp,
Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 28/02/2025

③ Thị trường trái phiếu doanh nghiệp

Tổng quan thị trường trái phiếu doanh nghiệp: Tháng 2/2025

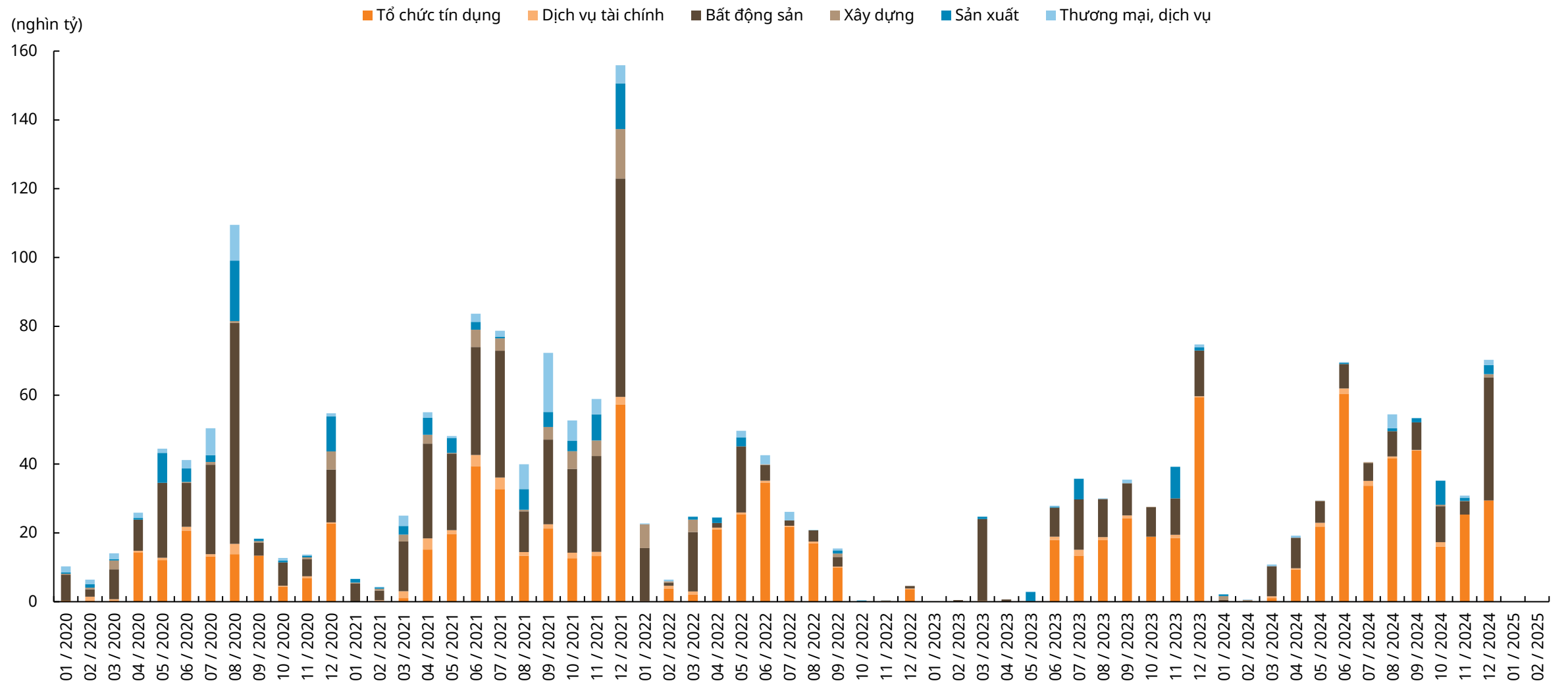
- **Phát hành mới:**
 - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) chỉ ghi nhận hai đợt phát hành mới được công bố vào tháng 2 năm 2025 (cả hai đều được phát hành từ tháng 12 năm 2024), với tổng giá trị đạt 2,1 nghìn tỷ đồng. Tính đến ngày 03 tháng 3, thị trường trái phiếu doanh nghiệp vẫn chưa ghi nhận bất kỳ giao dịch phát hành trái phiếu thành công nào trong tháng 2, do hai tháng đầu năm thường là giai đoạn thấp điểm trong hoạt động huy động vốn. Tuy nhiên, chúng tôi kỳ vọng hoạt động phát hành sẽ thuận lợi hơn trong năm 2025, khi các quy định mới từ Luật Chứng khoán sửa đổi được kỳ vọng sẽ tăng cường tính minh bạch của thị trường. Điều này sẽ góp phần củng cố niềm tin của nhà đầu tư sau giai đoạn 2022-2023, đặc biệt với các yêu cầu về xếp hạng tín nhiệm trong phát hành riêng lẻ và phát hành ra công chúng.
- **Mua lại trước hạn:** HNX ghi nhận 80 giao dịch mua lại trái phiếu trước hạn với tổng giá trị đạt 2,15 nghìn tỷ đồng từ ngày 11 đến ngày 28 tháng 2.
 - Các giao dịch đáng chú ý bao gồm 1 nghìn tỷ đồng từ SVC Group trên 8 lô trái phiếu khác nhau, tiếp theo là Saigon Glory (402 tỷ đồng), Điện gió Trung Nam Đắk Lắk 1 (200 tỷ đồng), TNR Holdings (155 tỷ đồng), Công ty Cổ phần IMG Huế (137,5 tỷ đồng) và Khải Hoàn Group (125 tỷ đồng).
- **Lịch đáo hạn:**
 - Dự kiến sẽ có 12 trái phiếu đáo hạn trong tháng 3 (không bao gồm các trái phiếu đã được thỏa thuận gia hạn), với tổng giá trị đạt khoảng 10 nghìn tỷ đồng. Nhóm Bất động sản chiếm khoảng 6,2 nghìn tỷ đồng trái phiếu đáo hạn, đến từ các tổ chức phát hành như Vast King (2,26 nghìn tỷ đồng), Công ty Cổ phần Tiếp vận và Bất động sản Tân Liên Phát Tân Cảng (2 nghìn tỷ đồng), Novaland (1 nghìn tỷ đồng) và Hưng Thịnh Land (700 tỷ đồng).
 - Đáng chú ý, Vinfast có hai trái phiếu đáo hạn với tổng giá trị đạt 3,5 nghìn tỷ đồng.
 - Có 60 trái phiếu ban đầu dự kiến đáo hạn trong tháng 3 đã được thỏa thuận gia hạn ngày đáo hạn với trái chủ, bao gồm 40 trái phiếu từ TNR Holdings Việt Nam (tổng giá trị 1,88 nghìn tỷ đồng) và 20 trái phiếu từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Cho thuê Tài sản TNL (tổng giá trị khoảng 1 nghìn tỷ đồng).

Danh sách trái phiếu phát hành được công bố trong tháng 2						
Ngành	Mã trái phiếu	Tổ chức phát hành	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%p.a)	Tổng giá trị đáo hạn (tỷ đồng)
Sản xuất	TCOCH2429001	CTCP Tập Đoàn Trường Hải	31/12/2024	31/12/2029	5,6	1.300
Năng lượng	AKPCH2429001	CTCP Nhiệt Điện An Khánh - Bắc Giang	25/12/2024	25/12/2029	10	800

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ HNX, cập nhật tới 03/03/2025

③ Thị trường trái phiếu doanh nghiệp (Tiếp theo)

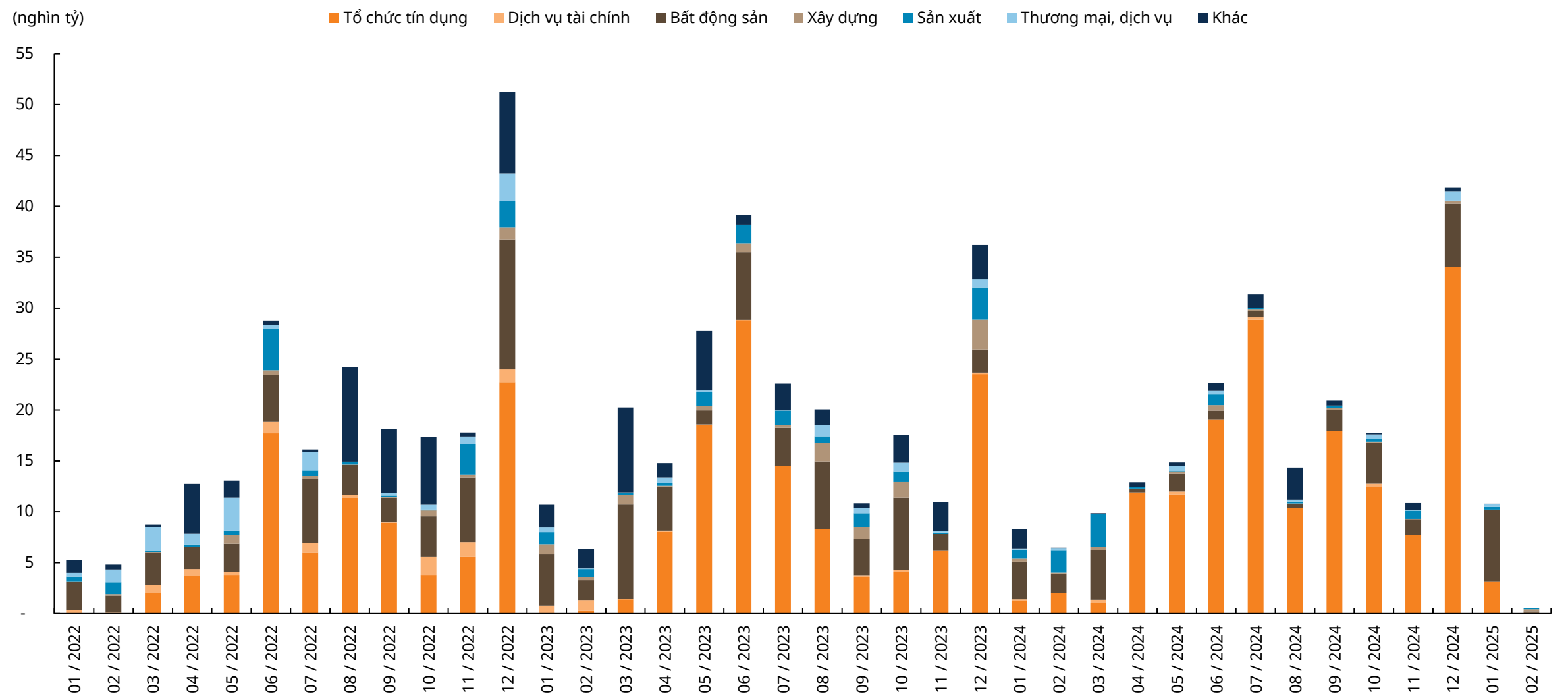
Giá trị trái phiếu phát hành thông qua phát hành riêng lẻ theo ngành



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp,
Dữ liệu từ HNX, cập nhật tới 03/03/2025

③ Thị trường trái phiếu doanh nghiệp (Tiếp theo)

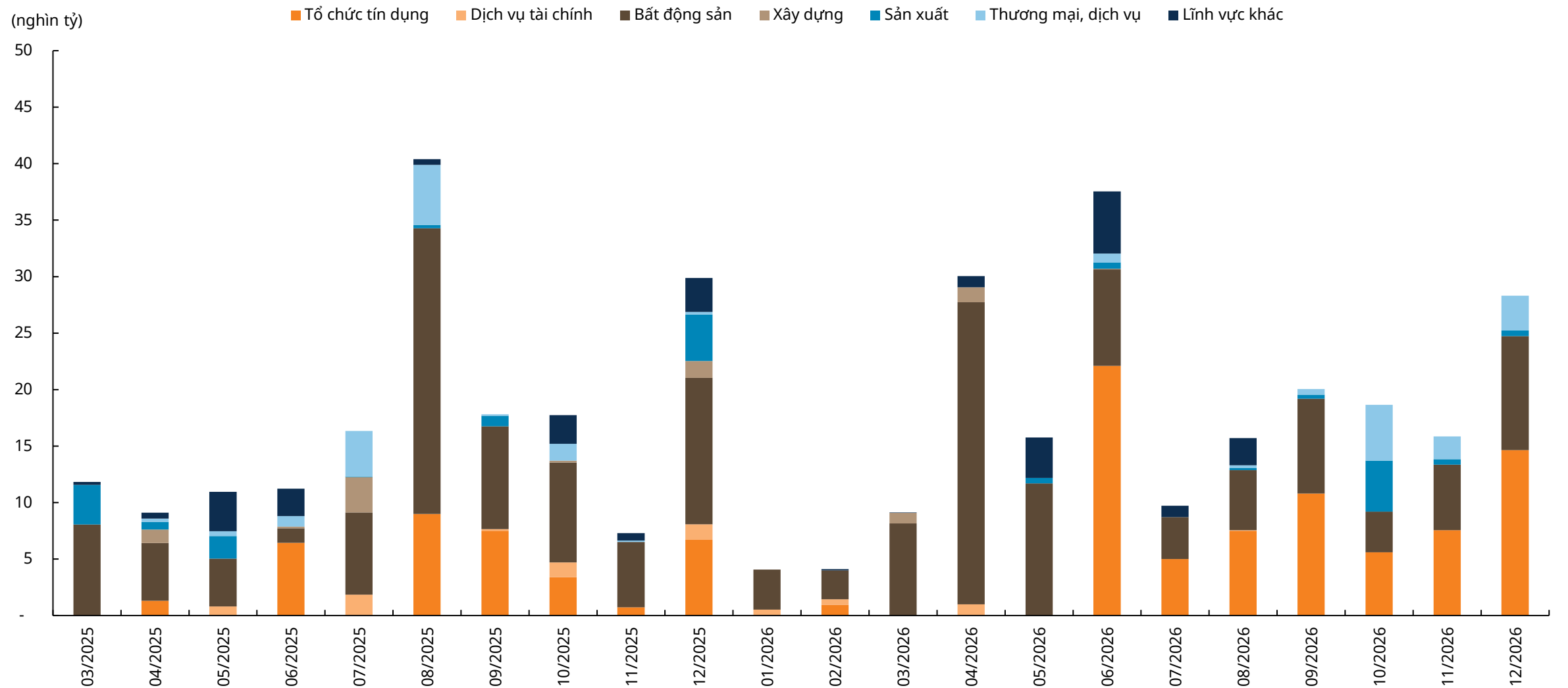
Tổng giá trị mua lại trước hạn đối với trái phiếu doanh nghiệp theo từng ngành



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp,
Dữ liệu từ HNX, cập nhật tới 03/03/2025

③ Thị trường trái phiếu doanh nghiệp (Tiếp theo)

Lịch đáo hạn trái phiếu doanh nghiệp theo ngành



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp,
Dữ liệu từ HNX, cập nhật tới 03/03/2025

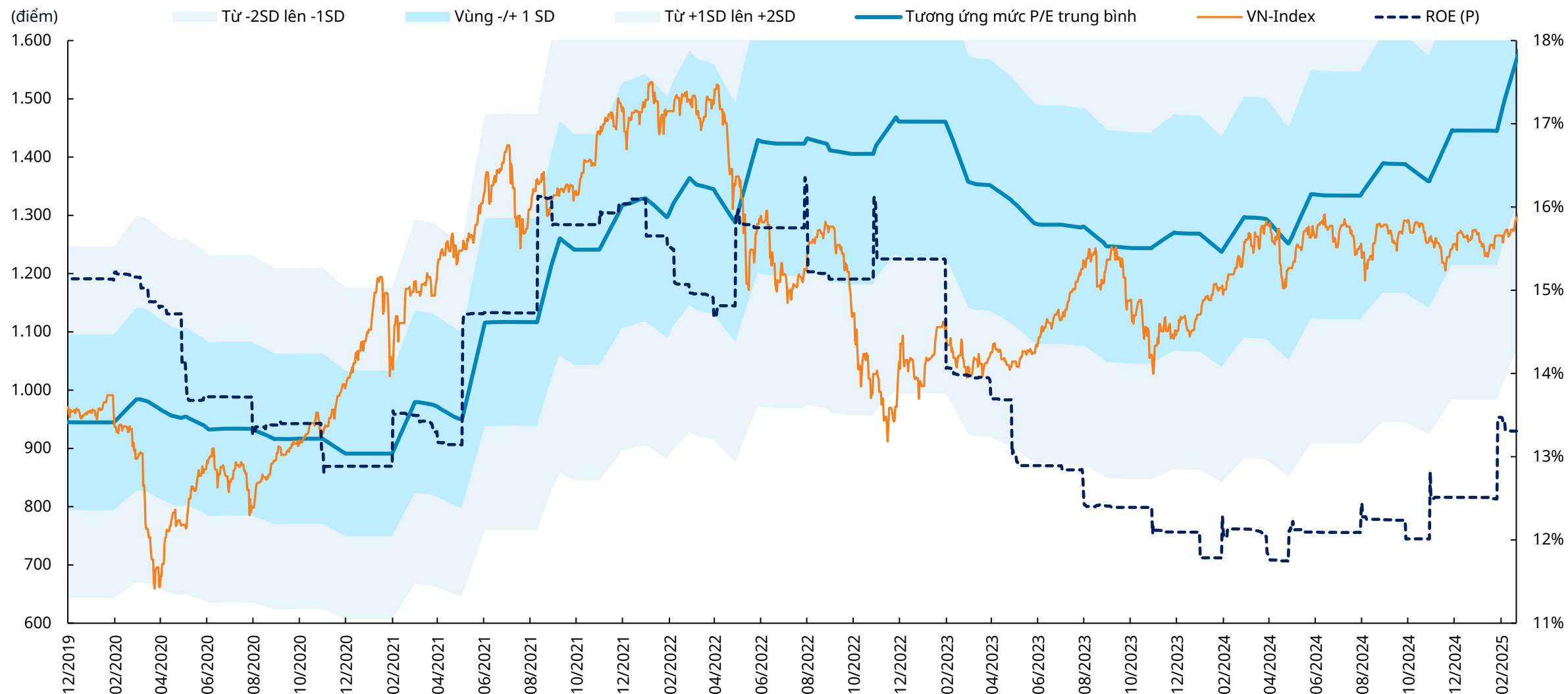
③ Thị trường trái phiếu doanh nghiệp (Tiếp theo)

Danh sách trái phiếu đáo hạn trong tháng 3						
Ngành	Mã trái phiếu	Tổ chức phát hành	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%p.a)	Tổng giá trị đáo hạn (tỷ đồng)
Thương mại, dịch vụ	HDECH2325001	Công ty cổ phần phân phối HDE	06/03/2023	06/03/2025	12	45
Lĩnh vực khác	HTMCH2325001	Công ty cổ phần Thương mại sản xuất và Đầu tư Hà Thành	09/03/2023	09/03/2025	12	45
Lĩnh vực khác	TDECH2325001	Công ty CP Đầu tư và Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đô	09/03/2023	09/03/2025	12	40
Bất động sản	NVLH2124002	CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc Nova (HOSE: NVL)	26/04/2021	10/03/2025	10,5	225
Bất động sản	NVLH2123010	CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc Nova (HOSE: NVL)	17/09/2021	17/03/2025	10,5	864
Bất động sản	TLRCB2325001	Công Ty Cổ Phần Tiếp Vận Và Bất Động Sản Tân Liên Phát Tân Cảng	21/09/2023	21/03/2025	10	2.000
Bất động sản	H79CH2225002	CTCP Hưng Thịnh Land	23/03/2022	23/03/2025	11	700
Bất động sản	DBJCH2225001	CTCP Điện Biên	25/03/2022	25/03/2025	11	130
Lĩnh vực khác	GTPCH2123001	Công ty CP Tập đoàn Tiến Phước	25/03/2021	25/03/2025	9,5	172
Sản xuất	VIFCB2325002	CTCP Sản Xuất Và Kinh Doanh Vinfast	31/07/2023	31/03/2025	14,5	1.500
Sản xuất	VIFCB2325003	CTCP Sản Xuất Và Kinh Doanh Vinfast	31/07/2023	31/03/2025	14,5	2.000
Bất động sản	VKICB2225001	Công ty Cổ phần Đầu tư Vast King	31/03/2022	31/03/2025	9,03	2.260

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp,
Dữ liệu từ HNX, cập nhật tới 03/03/2025

④ Thị trường chứng khoán Việt Nam

VN-Index tiếp đà bứt phá và chinh phục vùng cản tâm lý 1.300 điểm



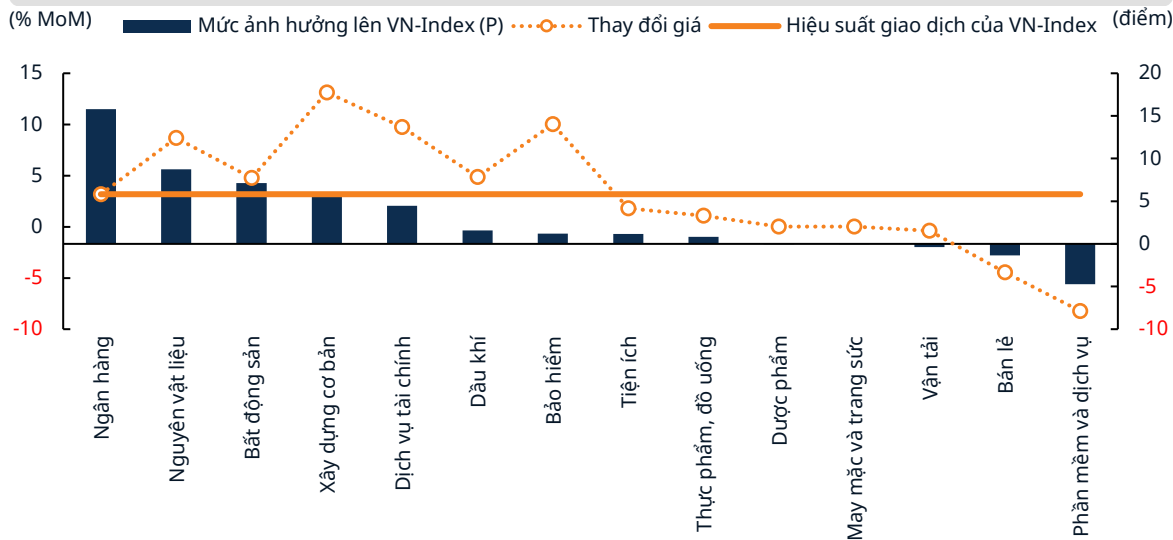
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp,
Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 03/03/2025

④ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Dòng tiền dần chảy về các nhóm ngành có triển vọng phục hồi

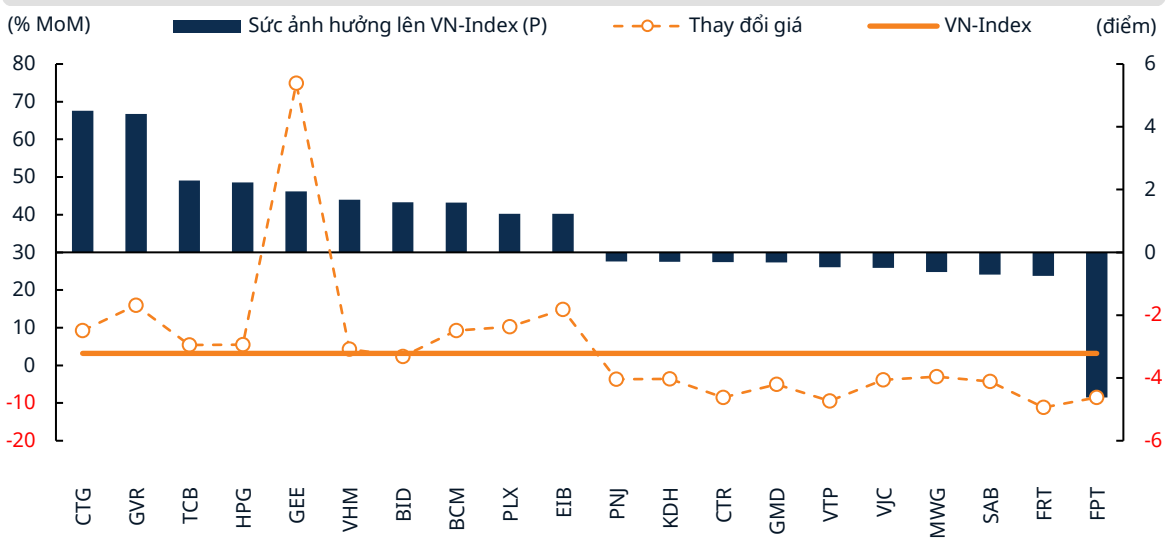
- **VN-Index đóng cửa tại 1.305,36 điểm với mức tăng hơn 40 điểm (+3,2% MoM) trong tháng 2**; chính thức thành công chinh phục vùng cản tâm lý 1.300 điểm sau nhiều lần nỗ lực vào năm 2024. Tỷ lệ cổ phiếu giao dịch trên các đường trung bình động 20 ngày, 60 ngày và 200 ngày đạt lần lượt 50%, 60% và 55%; cải thiện đáng kể so với giai đoạn giữa tháng 1.
- **Ngân hàng tiếp tục dẫn dắt đà tăng của thị trường với các cổ phiếu vốn hóa lớn như CTG, TCB, STB và MBB hiện đang giao dịch ở mức đỉnh lịch sử.** Tuy vậy, chúng tôi nhận thấy dòng tiền đã có phần thoái lui khỏi nhóm Ngân hàng và Công nghệ (FPT) vào những phiên giao dịch cuối cùng của tháng 2 và dần phân bổ vào các ngành có triển vọng tăng giá tốt hơn do hưởng lợi từ thay đổi về chính sách, biến động về vĩ mô và kết quả kinh doanh khởi sắc trong quý IV/2024 như Thép (HPG, HSG, NKG), Bất động sản (VIC, VHM, VRE, PDR, NVL, CEO) và Xây dựng (CTD, VCG, HHV, DIG). Bên cạnh đó, diễn biến giao dịch khởi sắc trong hai tháng đầu năm góp phần cải thiện triển vọng về lợi nhuận Q1/2025 của nhóm Chứng khoán với thanh khoản liên tục cải thiện ở sáu tuần gần nhất.
- Ở một diễn biến khác, tâm lý lạc quan đã phần nào kích thích dòng tiền chảy về các nhóm cổ phiếu vốn hóa vừa và nhỏ có mức độ tương quan cao với thị trường chung (hệ số Beta). Tại đây, chúng tôi cho rằng vẫn còn tương đối sớm để kết luận sự bền vững trong dòng tiền để củng cố đà tăng cho các cổ phiếu này ở tương lai gần; đặc biệt trong bối cảnh các nhịp tăng của VN-Index trong sáu tuần gần nhất có khả năng sẽ kích hoạt các động thái chốt lời đối với nhóm cổ phiếu bluechips và mang tính lan tỏa đến các cổ phiếu có mức độ tương quan lớn đến chỉ số chung.

Tổng quan diễn biến tháng 2



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 28/02/2025.

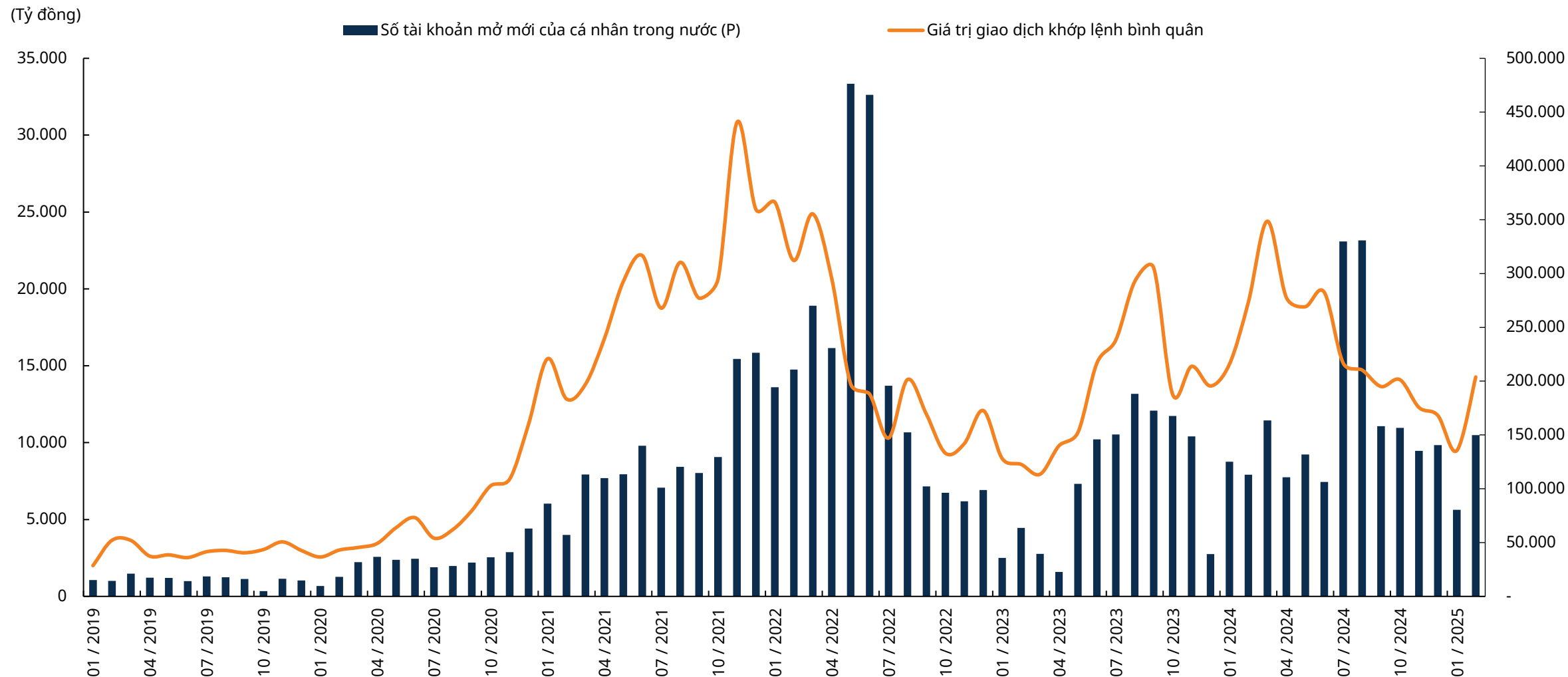
Top cổ phiếu ảnh hưởng đến chỉ số VN-Index



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 28/02/2025.

④ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Nhóm nhà đầu tư cá nhân trong nước tiếp tục mở mới gần 230 nghìn tài khoản chứng khoán trong 2 tháng đầu năm 2025



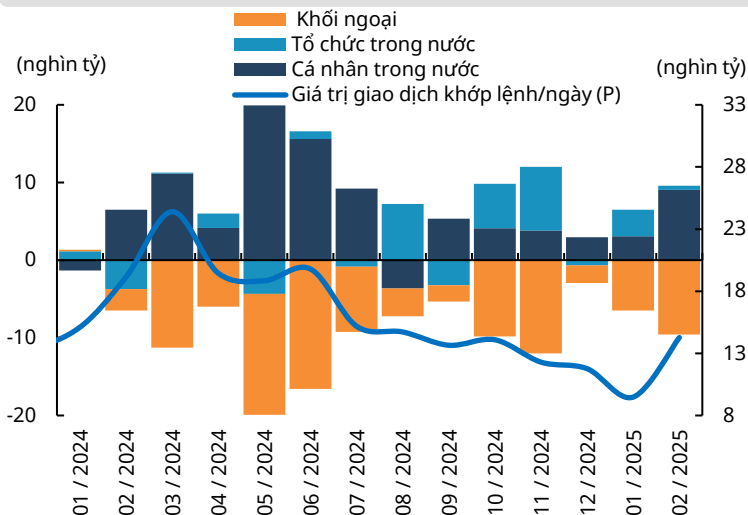
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp,
Dữ liệu từ Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSD), cập nhật tới 07/03/2025

④ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Khối ngoại mua ròng đối với nhóm Xây dựng

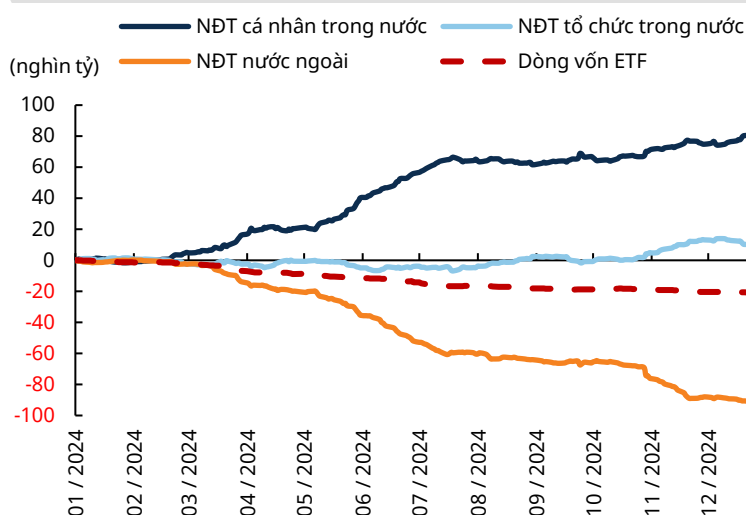
- **Hoạt động giao dịch trong tháng 2 tiếp tục được cải thiện từ mức thấp với giá trị giao dịch khớp lệnh bình quân đạt 14.270 tỷ đồng mỗi phiên, tương ứng với tăng 50% so với tháng trước.** Nhóm nhà đầu tư cá nhân trong nước tiếp tục là động lực chính giúp củng cố đà tăng của thị trường trong thời gian qua sau khi ghi nhận giá trị mua ròng đạt hơn 9 nghìn tỷ đồng trong tháng 2 (so với mức giải ngân chỉ hơn 3 nghìn tỷ của tháng 1); bên cạnh là diễn biến mua ròng 542 tỷ đồng của nhóm nhà đầu tư tổ chức trong nước. Trong đó, chúng tôi ghi nhận sự dịch chuyển của dòng tiền giữa các nhóm ngành diễn ra tương đối hiện hữu đối với nhóm Tự doanh. Cụ thể, nhóm này mua ròng 591 tỷ đồng đối với các quỹ ETF và 111 tỷ đồng đối với nhóm Dầu khí trong khi bán ra đối với ngành Ngân hàng, Xây dựng, F&B với giá trị đạt lần lượt 660 tỷ, 524 tỷ và 407 tỷ đồng.
- **Tâm lý lo ngại về tỉ giá và lộ trình cắt lãi suất còn nhiều thách thức của Fed tiếp tục là các thách thức ngăn cản sự trở lại của dòng tiền khối ngoại.** Trong đó, nhóm này bán ròng hơn 9,5 nghìn tỷ trong tháng 2 sau khi bán ròng gần 6,5 nghìn tỷ đồng trong tháng 1; kéo dài chuỗi bán ròng lên đến 23 tháng liên tiếp (nếu bỏ qua mức giải ngân khiêm tốn chưa đến 200 tỷ đồng vào T1/2024). Các nhóm ghi nhận áp lực bán ròng lớn bao gồm: F&B (-2,25 nghìn tỷ), Ngân hàng (-2 nghìn tỷ), Công nghệ (-1,3 nghìn tỷ), Bán lẻ (-1,18 nghìn tỷ) và Bất động sản (-1,12 nghìn tỷ). Ở chiều ngược lại, điểm sáng của tháng 2 đến từ động thái mua ròng đối với nhóm Xây dựng ở 5 tuần gần nhất; riêng giá trị mua ròng của tháng 2 đạt 576 tỷ đồng và tập trung tại các cổ phiếu như GEX, TCH, PC1, CTD, VGC và GEE.
- **Xu hướng này cũng được phản ánh qua dòng vốn ETF giảm mạnh, với mức rút ròng đạt 45 triệu USD (-1,15 nghìn tỷ VNĐ) trong tháng 2,** phần lớn đến từ áp lực rút vốn của DCVFMVN30 (-432 tỷ), VanEck Vietnam (-264 tỷ), Fubon FTSE Vietnam (-255 tỷ) và DCVFMVN Diamond (-194 tỷ) – được bù đắp một phần bởi dòng vốn ròng 20,9 tỷ từ MAFM VN30.

Thanh khoản thị trường và mua/bán ròng theo nhóm NĐT



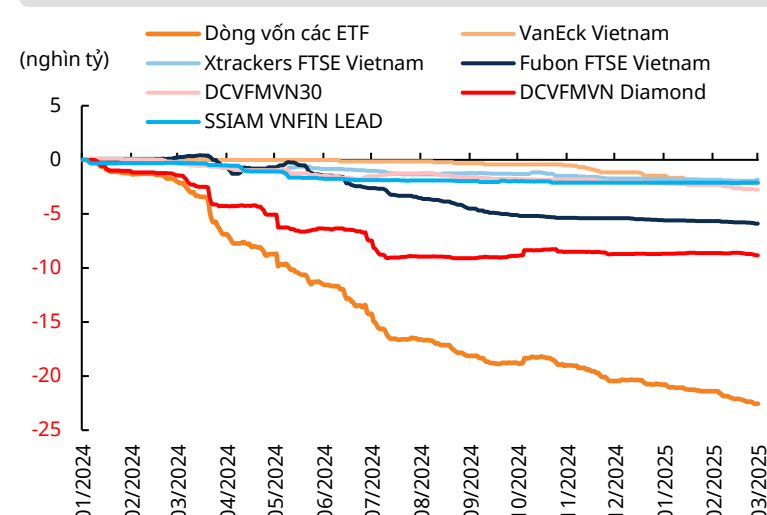
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp,
Dữ liệu từ FiinPro, cập nhật tới 28/02/2025.

Lũy kế mức mua/bán ròng từ 2024 theo nhóm nhà đầu tư



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp,
Dữ liệu từ FiinPro, cập nhật tới 28/02/2025.

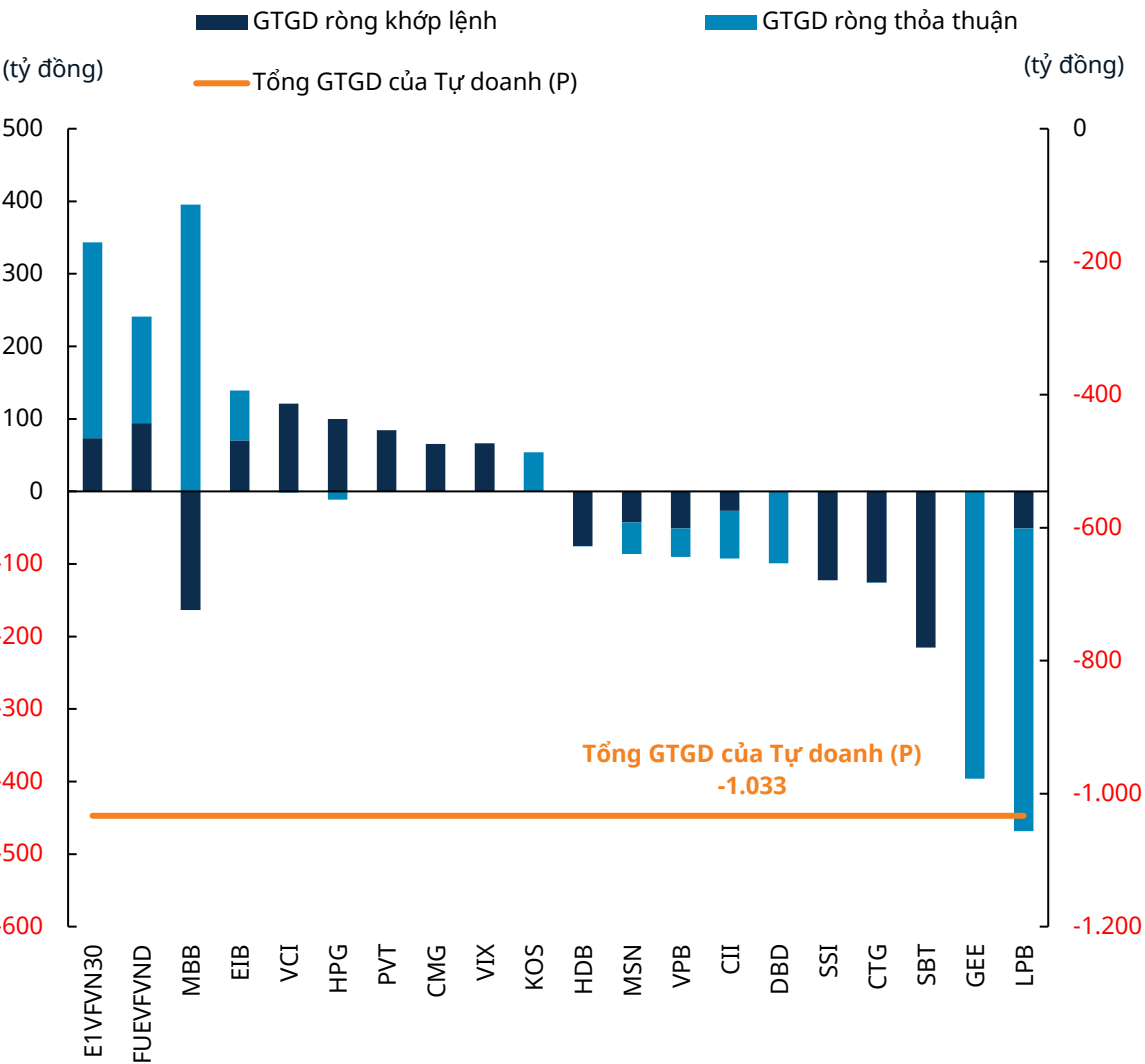
Lũy kế dòng tiền ETF mua/bán ròng từ 2024



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp,
Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 28/02/2025.

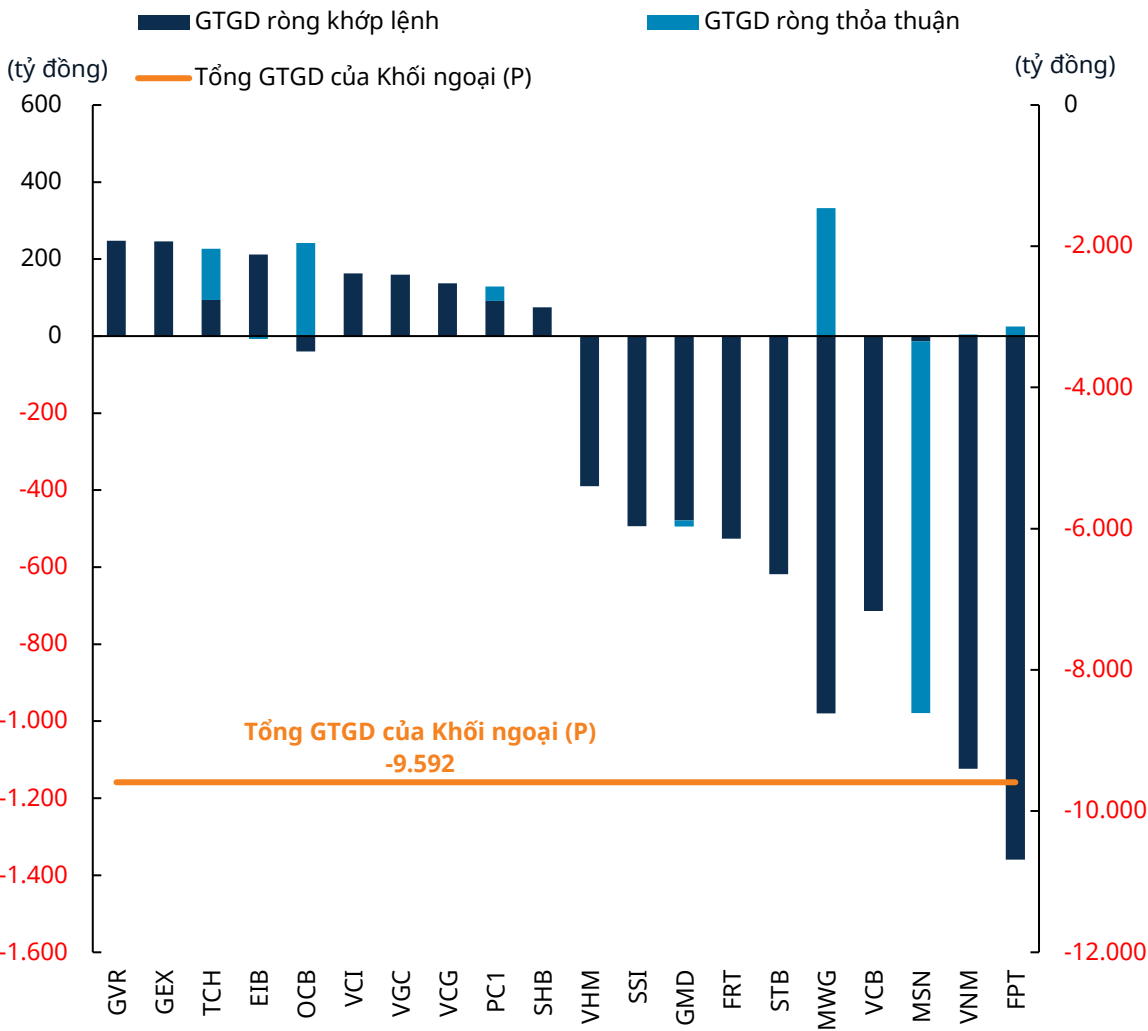
④ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Top giá trị giao dịch ròng của Tự doanh trong tháng 2



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ FiinPro, cập nhật tới 28/02/2025.

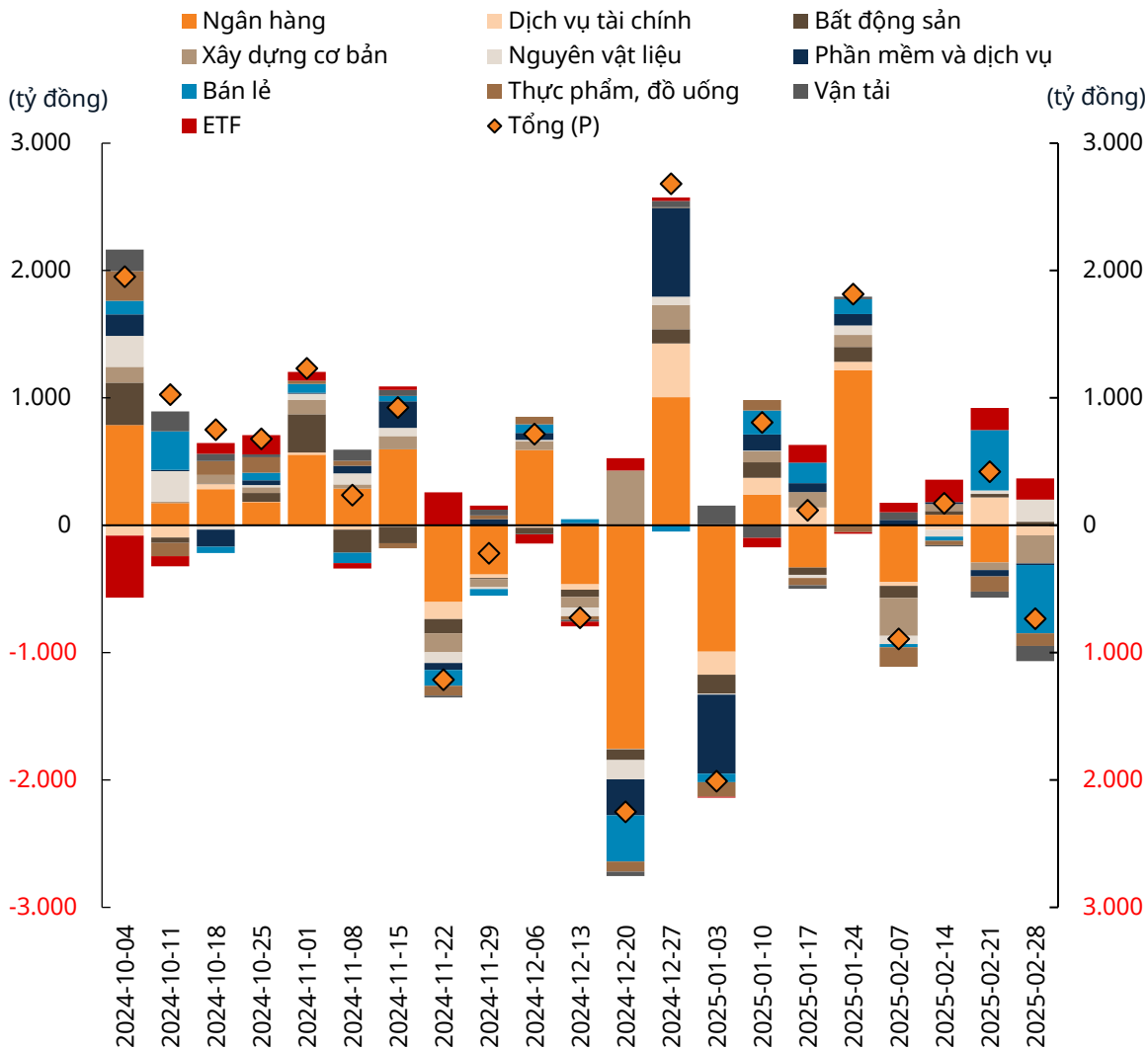
Top giá trị giao dịch ròng của khối ngoại trong tháng 2



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ FiinPro, cập nhật tới 28/02/2025.

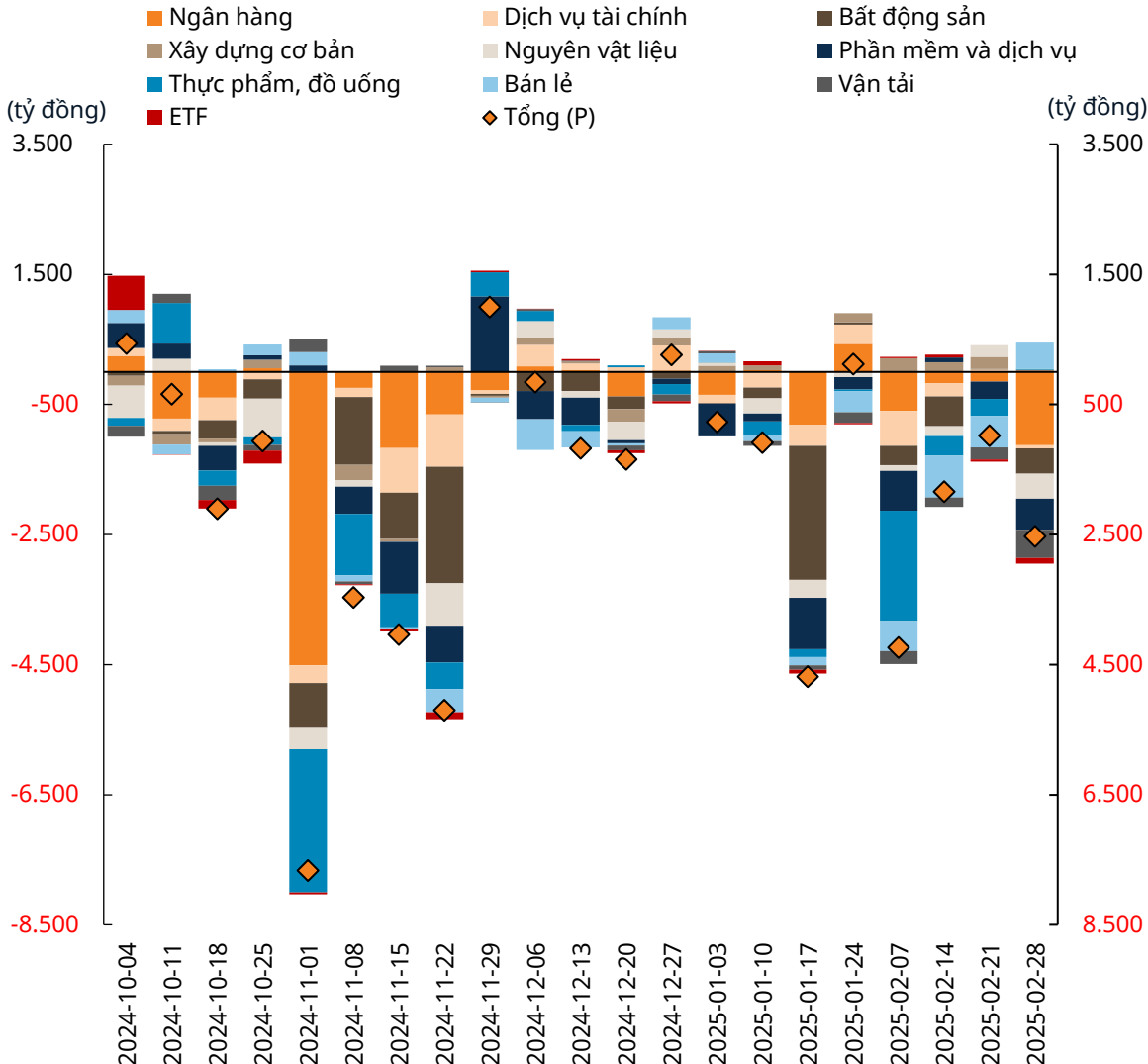
④ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Dòng tiền của nhóm Tự doanh qua từng tuần













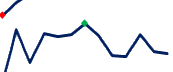


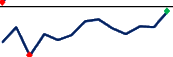
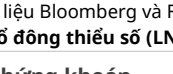
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ FiinPro, cập nhật tới 28/02/2025.

Dòng tiền của Khối ngoại qua từng tuần



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ FiinPro, cập nhật tới 28/02/2025.

④ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Hiệu suất giao dịch theo ngành trong tháng 2 và kết quả kinh doanh quý 4/2024																							
Phân ngành GICS	Vốn hóa (tỷ đồng)	Tỷ trọng vốn hóa	Vốn hóa 1 năm gần nhất	Biến động vốn hóa					Tăng trưởng LNST (YoY)							Tăng trưởng LNST (YoY)							
				1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	YTD	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2024AGM	1Q23	2Q23	3Q23	4Q23	1Q24	2Q24	3Q24	4Q24
Ngân hàng	2.204.437	40,5%		3,1%	7,2%	7,2%	7,9%	4,8%	30,7%	16,2%	32,5%	35,8%	4,3%	18,5%	19,4%	-2,4%	1,6%	-0,6%	21,3%	10,0%	19,0%	16,7%	28,0%
Bất động sản	679.072	12,5%		4,6%	3,3%	-2,4%	-1,1%	3,1%	39,0%	-0,9%	9,2%	-2,3%	-7,7%	-0,9%	-1,0%	34,4%	57,9%	-40,4%	-36,7%	-34,3%	-73,5%	48,3%	128,5%
Nguyên vật liệu	477.922	9%		8,2%	5,6%	2,2%	5,1%	5,5%	-6,4%	54,2%	117,2%	-48,0%	-41,9%	43,4%	41,7%	-80,5%	-65,9%	157,5%	377,4%	91,7%	84,4%	24,3%	7,0%
Thực phẩm, đồ uống	413.852	7,6%		0,9%	-2,4%	-8,1%	-4,1%	-1,4%	5,9%	-19,6%	34,1%	-12,2%	-24,4%	17,1%	19,7%	-51,2%	-21,4%	-21,6%	3,5%	28,3%	0,5%	23,2%	23,3%
Tiện ích	292.958	5,4%		1,7%	-0,2%	-10,4%	-8,2%	0,7%	13,3%	-19,9%	12,5%	47,5%	-29,1%	-20,7%	-20,9%	-5,6%	-27,9%	-49,8%	-31,2%	-55,8%	-23,2%	69,2%	-27,0%
Xây dựng cơ bản	245.986	5%		10,7%	13,4%	8,9%	5,4%	10,9%	1,1%	5,3%	18,2%	-13,0%	-9,0%	43,0%	46,0%	-46,9%	-1,2%	17,2%	16,3%	19,6%	29,6%	9,6%	127,9%
Vận tải	240.391	4,4%		0,6%	2,0%	10,7%	29,4%	0,5%	-17,9%	-165,5%	-7,7%	24,1%	126,5%	938,1%	552,0%	7944,5%	375,5%	14,0%	83,7%	411,6%	124,2%	548,3%	618,9%
Phần mềm và dịch vụ	218.831	4,0%		-8,2%	-3,0%	4,5%	47,7%	-7,8%	18,6%	12,3%	22,9%	21,0%	21,6%	20,5%	20,2%	18,2%	20,7%	19,0%	29,9%	22,5%	22,2%	17,5%	20,8%
Dịch vụ tài chính	215.253	4,0%		9,4%	8,7%	5,0%	6,2%	7,2%	-23,2%	38,3%	151,3%	-54,9%	61,8%	13,9%	14,3%	-53,8%	137,2%	162,9%	475,5%	91,6%	7,6%	2,1%	-16,7%
Dầu khí	147.487	2,7%		4,6%	5,5%	-11,9%	6,6%	0,5%	-4,1%	-105,4%	2465,6%	62,8%	-23,1%	-56,5%	-53,3%	-5,1%	-73,3%	329,0%	15,2%	3,2%	-6,5%	-109,4%	-72,5%
Bán lẻ	116.599	2,1%		-4,6%	-2,3%	-13,0%	23,6%	-3,5%	20,1%	0,2%	41,0%	-8,2%	-93,2%	1096,8%	1044,7%	-93,2%	-106,1%	-86,6%	-82,9%	710,1%	1534,4%	527,2%	576,7%
May mặc và trang sức	55.937	1,0%		-0,4%	0,5%	-4,9%	5,1%	-3,1%	5,3%	26,6%	17,1%	27,3%	-34,2%	29,5%	31,1%	-35,3%	-49,5%	-44,9%	-0,8%	9,9%	33,5%	29,7%	50,2%
Bảo hiểm	55.303	1,0%		9,9%	15,3%	18,3%	26,5%	9,7%	13,9%	28,5%	27,4%	-19,6%	22,1%	7,0%	6,7%	6,5%	41,2%	22,7%	27,7%	13,1%	7,0%	-1,0%	8,3%
Dược phẩm	36.240	0,7%		-0,4%	2,0%	3,6%	3,0%	-1,1%	3,8%	8,4%	8,0%	24,2%	1,9%	-12,2%	-12,2%	23,7%	10,0%	-21,2%	-5,1%	-23,4%	-20,7%	-9,5%	8,0%
VN-Index	5.449.192	100%		3,26%	4,7%	2,0%	4,7%	3,1%	16,3%	-3,5%	42,5%	7,8%	-6,0%	17,6%	13,9%	-17,7%	-10,8%	-6,7%	18,6%	10,0%	5,9%	21,8%	33,5%

Nguồn: Phòng phân tích Mirae Asset Việt Nam, dữ liệu Bloomberg và FiinPro (cập nhật đến ngày 28/02/2025). Điểm màu đỏ trên đồ thị xu hướng vốn hóa là mức thấp nhất, điểm màu xanh là mức cao nhất. Biến động giá được tính trên cơ sở đo lường sự thay đổi của vốn hóa. Lưu ý: Số liệu tổng lợi nhuận sau thuế và cổ đông thiểu số (LNST) và kế hoạch kinh doanh qua các năm được chúng tôi tổng hợp từ nguồn báo cáo tài chính của các công ty niêm yết trên sàn HOSE.

④ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Triển vọng thị trường tháng 3/2025:

- Triển vọng nâng hạng thị trường theo FTSE Russell:** Việt Nam tiếp tục tiến gần tới mục tiêu nâng hạng từ thị trường cận biên (Frontier) lên thị trường mới nổi (Emerging) theo đánh giá của FTSE Russell, với tháng 9/2025 được cho là mốc thời gian khả quan nhất. Trong số 9 tiêu chí đánh giá, Việt Nam đã đáp ứng thành công 7 tiêu chí. Hai vấn đề còn tồn đọng bao gồm: **(1) Giao dịch không ký quỹ (Non-Prefunding)** – đã được giải quyết thông qua Thông tư 68/2024/TT-BTC có hiệu lực từ tháng 11/2024, và **(2) Xử lý giao dịch thất bại** – mặc dù cơ chế bù trừ trung tâm (CCP) đã được đề cập và triển khai từ năm 2021 theo khung chính sách hoạt động của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSD), quá trình áp dụng và vận hành vẫn còn hạn chế (theo đánh giá của FTSE Russell); đặc biệt trong việc thích ứng với hoạt động giao dịch không ký quỹ. Kể từ tháng 11/2024 đến nay, một số công ty chứng khoán đã ghi nhận các trường hợp giao dịch thất bại đầu tiên song quá trình đánh giá tính hiệu quả trong cơ chế bù trừ trung tâm vẫn cần thời gian từ 6 đến 9 tháng để xem xét mức độ đáp ứng tiêu chí của FTSE.
- Đại hội cổ đông thường niên và kế hoạch kinh doanh năm 2025:** Tháng 3 đánh dấu mùa họp đại hội đồng cổ đông cùng với kế hoạch kinh doanh năm 2025 – mục tiêu lợi nhuận của các doanh nghiệp dự kiến sẽ là thước đo phù hợp để đo lường triển vọng tăng trưởng của VN-Index trong năm nay. Dữ liệu lịch sử cho thấy tỷ lệ hoàn thành lợi nhuận trung bình đạt khoảng 103% đối với VN-Index, ngoại trừ giai đoạn 2022–2023 (89–94%) do tác động của các sự kiện bất ngờ như vỡ nợ trái phiếu doanh nghiệp và các đợt tăng lãi suất liên tiếp đến từ Fed. Các ngành Vận tải, Bán lẻ, và Dầu khí ghi nhận biến động cao hơn với tỷ lệ hoàn thành trung vị lần lượt 122%, 138%, và 136%, phản ánh tâm lý thận trọng trong việc thiết lập mục tiêu của ban lãnh đạo. Nhìn chung, mục tiêu tăng trưởng GDP 8% trong năm 2025 dự kiến sẽ là bước đệm tăng trưởng lợi nhuận chung cho cả thị trường.
- Thị trường chứng khoán:** Dòng vốn đầu tư trên toàn cầu có thể sẽ trở nên thận trọng khi các quyết định thuế quan của Mỹ sẽ bắt đầu có hiệu lực đi cùng với các mức thuế đối ứng sẽ được công bố vào đầu tháng 4 là những rủi ro mà thị trường cần thận trọng theo dõi. Trong đó, Triển vọng giao dịch trong tháng 3 dự kiến sẽ chịu ảnh hưởng phần lớn bởi sự dịch chuyển của dòng tiền vào các nhóm ngành có triển vọng phục hồi và tăng trưởng tốt hơn (Thép, Bất động sản, Chứng khoán và Bán lẻ), đồng thời chứng kiến áp lực chốt lời tại các lĩnh vực dẫn dắt năm 2024 như Ngân hàng và Công nghệ. VN-Index dự kiến sẽ tiếp tục tăng trưởng và hướng về mốc 1.330 điểm trong bối cảnh chịu ảnh hưởng bởi các tin tức trái chiều đến từ thị trường quốc tế xoay quanh thương chiến. Tuy nhiên, áp lực chốt lời đến từ nhóm Ngân hàng sẽ hình thành các nhịp điều chỉnh trong ngắn hạn nhằm tạo ra vùng cân bằng mới của VN-Index tại các vùng đỉnh cũ đặc biệt trong bối cảnh VN-Index vẫn đang giao dịch tại vùng kháng cự 1.300 – 1.330 điểm hình thành từ năm 2022. Vùng hỗ trợ mới của chỉ số sàn HOSE dự kiến sẽ hình thành quanh vùng 1.280 điểm.
- Các rủi ro kinh tế vĩ mô toàn cầu:** Quyết định lãi suất của Fed trong tháng 3 dự kiến sẽ không mang lại nhiều bất ngờ, song bài phát biểu của Chủ tịch Powell và biên bản dự phóng kinh tế cho năm 2025 sẽ là tâm điểm đáng chú ý khi cung cấp các thông điệp và quan điểm của các quan chức Fed về bối cảnh nền kinh tế. Tuy nhiên, thương chiến có thể gây gián đoạn đến sự ổn định của chuỗi cung ứng trên toàn cầu; đặc biệt khi Hoa Kỳ dự kiến sẽ áp dụng thuế đối ứng trên diện rộng (hiện dự kiến được trình lên Tổng thống vào T4/2025). Về mặt địa chính trị, những thay đổi trong chiến lược ngoại giao giữa Mỹ và các đồng minh, đặc biệt là liên quan đến các nỗ lực đàm phán hòa bình giữa Nga và Ukraine, được dự báo sẽ tạo ra các tác động kéo dài. Những thay đổi này gắn liền với sự điều chỉnh trong chính sách đối ngoại của Mỹ dưới nhiệm kỳ mới của Tổng thống Trump, bao gồm các nỗ lực giảm thâm hụt ngân sách, tinh gọn bộ máy chính phủ, và cắt giảm viện trợ không cần thiết tới các khu vực không mang lại lợi ích chiến lược đáng kể. Đồng thời, chính sách này cũng tập trung vào việc khuyến khích các quốc gia EU tăng cường ngân sách quốc phòng, củng cố quan hệ hợp tác với Ấn Độ, và điều chỉnh cách tiếp cận đàm phán với Nga, trong khi vẫn duy trì lập trường cứng rắn cần thiết trước Trung Quốc. Một yếu tố khác cần phải theo dõi đến từ áp lực giảm phát từ tình trạng dư cung đối với dầu mỏ và hoạt động sản xuất vẫn chưa được cải thiện đáng kể tại Châu Âu và Trung Quốc.

Tỉ lệ hoàn thành lợi nhuận mục tiêu theo kế hoạch kinh doanh	2019	2020	2021	2022	2023	2024	Trung bình	Trung vị
VN-Index	107,8%	108,7%	115,7%	89,0%	94,2%	104,1%	103,3%	101,3%
Ngân hàng	111%	113%	109%	101%	92,3%	102,2%	104,8%	101,8%
Bất động sản	113%	91%	81%	69%	97,0%	83,0%	89,0%	79,1%
Thực phẩm, đồ uống	97%	100%	118%	90%	80,3%	99,0%	97,1%	98,1%
Nguyên vật liệu	98%	138%	173%	58%	78,5%	114,7%	109,9%	107,4%
Tiện ích	146%	119%	140%	200%	135,1%	140,0%	147,0%	110,5%
Xây dựng cơ bản	99%	109%	106%	71%	81,7%	111,4%	96,4%	102,7%
Vận tải	91%	68%	126%	396%	100,0%	216,8%	166,2%	122,4%
Dịch vụ tài chính	89%	155%	161%	41%	110,9%	96,8%	109,1%	100,9%
Phần mềm và dịch vụ	109%	100%	108%	105%	106,5%	107,5%	106,0%	94,3%
Bán lẻ	100%	113%	115%	75%	7,9%	150,0%	93,5%	137,8%
Dầu khí	110%	-1%	252%	119%	257,3%	152,9%	148,4%	136,3%
May mặc và trang sức	75%	119%	101%	105%	72,9%	94,9%	94,7%	83,5%
Bảo hiểm	111%	150%	168%	120%	139,1%	95,4%	130,4%	100,5%

Nguồn: Phòng phân tích Mirae Asset Việt Nam, dữ liệu Bloomberg (cập nhật đến ngày 28/02/2025). Điểm màu đỏ trên đồ thị xu hướng vốn hóa là mức thấp nhất, điểm màu xanh là mức cao nhất. Biến động giá được tính trên cơ sở đo lường sự thay đổi của vốn hóa.

Lưu ý: Số liệu tổng lợi nhuận sau thuế và cổ đông thiểu số (LNST) được chúng tôi tổng hợp từ nguồn báo cáo tài chính của các công ty niêm yết trên sàn HOSE.

④ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Tổng hợp thông tin các cổ phiếu theo dõi

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)					Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
			Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
VN-Index		5.449.192	1.305,36	1.308,77	1.165,99	3,19	5,09	1,87	1,8	4,1	14,1	1,7	13,3	16,46	24,32
VN30 Index		3.785.823	1.356,43	1.372,66	1.186,51	1,41	4,22	2,49	4,4	7,2	11,0	1,6	15,5	19,72	14,26
VN70 Index		1.033.072	1.995,00	2.031,02	1.709,22	4,57	7,84	3,61	1,0	8,9	17,8	1,5	8,7	14,45	37,37
VNFinLead Index		2.342.040	2.235,33	2.244,05	1.892,98	3,99	9,58	9,43	10,1	8,2	8,4	1,3	15,8	19,18	11,23
Ngân hàng	VCB	521.462	93.300	98.200	85.000	0,76	0,76	2,41	2,87	-4,21	15,4	2,6	18,6	22,9	7,1
	BID	282.453	40.950	46.860	35.744	2,38	7,48	-0,10	0,92	-8,07	11,4	2,0	19,2	16,8	13,2
	CTG	222.855	41.500	41.600	30.250	9,21	17,23	18,91	28,88	15,44	8,7	1,5	18,5	26,9	3,1
	TCB	184.393	26.100	26.600	20.200	5,45	10,59	13,48	11,30	23,70	8,6	1,3	15,6	22,5	0,0
	VPB	153.125	19.300	20.950	17.800	2,12	1,31	1,85	6,93	-3,02	9,7	1,1	11,4	25,1	5,0
	MBB	140.352	23.000	23.150	18.913	2,68	10,21	7,30	17,04	8,40	6,2	1,3	22,1	23,2	0,0
	ACB	116.133	26.000	26.500	23.000	2,56	3,38	6,12	0,84	6,79	6,9	1,4	21,7	30,0	0,0
	LPB	107.990	36.150	38.300	14.127	0,84	31,95	34,47	68,56	144,06	11,1	2,5	25,1	1,1	3,9
	HDB	80.561	23.050	25.000	18.250	1,77	9,33	2,26	14,53	19,22	6,3	1,5	25,8	17,5	0,0
	STB	72.110	38.250	39.300	26.150	3,38	15,38	29,44	32,58	21,82	7,2	1,3	20,0	22,9	7,1
	VIB	61.817	20.750	21.368	17.479	0,48	9,79	13,39	8,87	9,85	8,8	1,5	18,1	5,0	0,0
	SSB	55.193	19.400	21.128	15.200	3,47	14,12	0,78	1,79	-3,98	11,6	1,6	14,5	0,1	4,9
	TPB	44.121	16.700	18.100	13.667	1,52	2,77	12,90	12,27	0,20	7,0	1,1	17,3	29,9	0,1
	SHB	40.653	10.000	11.081	9.144	7,77	8,29	4,72	-5,13	-6,72	4,4	0,7	17,1	2,8	27,2
	EIB	39.676	21.300	21.600	15.187	14,82	13,30	21,88	21,55	24,54	12,2	1,6	14,0	2,3	27,7
	MSB	29.510	11.350	13.200	10.077	1,79	-0,44	-3,81	2,82	-6,61	5,3	0,8	16,2	27,5	2,5
	OCB	27.740	11.250	13.100	10.200	0,45	7,14	-5,92	-8,16	-12,34	8,7	0,9	10,5	19,2	2,9
	NAB	24.294	17.700	18.000	12.520	4,73	12,38	7,27	38,28	34,09	6,3	1,2	20,9	1,2	28,8
Dịch vụ tài chính	SSI	51.597	26.300	31.461	23.500	4,16	8,23	-4,01	-8,19	-9,46	17,7	2,0	11,4	39,7	60,3
	VCI	26.175	36.450	42.308	31.500	5,96	10,29	-0,66	-2,90	4,95	26,3	2,5	10,2	25,1	74,9
	HCM	22.427	31.150	31.800	23.500	6,50	10,66	5,77	4,71	9,30	21,5	2,2	11,1	44,4	4,6
	VND	20.703	13.600	21.653	11.400	13,33	-2,16	-11,69	-24,11	-31,49	11,3	1,1	9,5	11,4	88,6
	VIX	16.700	11.450	14.131	9.098	15,77	14,50	-4,98	-5,36	-5,36	21,7	1,1	5,3	5,6	94,4
	FTS	14.470	47.300	48.250	33.750	14,25	13,43	10,26	2,05	24,24	26,4	3,7	14,6	30,0	70,0
	SHS	11.628	14.300	20.900	10.800	11,72	8,33	-12,80	-23,94	-18,75	11,2	1,0	9,4	2,4	46,6
	EVF	8.366	11.000	18.056	8.800	18,41	4,27	-2,62	-27,12	-36,81	15,6	0,9	6,1	0,5	14,5
	TCI	1.134	9.810	12.140	7.560	7,45	23,40	6,63	-13,19	-14,91	18,7	0,9	4,7	5,2	94,8

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật ngày 28/02/2025. Lưu ý: Các cổ phiếu được chọn được nắm giữ bởi ít nhất bốn quỹ ETF khác nhau; các mã được làm nổi bật là thành viên của VN30.

④ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Tổng hợp thông tin các cổ phiếu theo dõi (tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)					Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
			Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
Bảo hiểm	BVH	42.015	56.600	58.300	38.200	11,42	27,48	25,22	20,43	33,33	20,1	1,9	9,5	26,5	22,5
	MIG	3.604	18.150	21.664	15.334	7,40	14,17	6,04	-9,57	6,92	14,0	1,5	11,3	16,4	83,6
Nguyên vật liệu	HPG	179.095	28.000	29.950	24.750	5,46	6,06	8,95	-3,95	0,65	15,0	1,6	11,1	21,5	27,5
	GVR	133.600	33.400	38.200	27.500	15,97	6,54	-6,31	-6,18	15,57	31,5	2,5	8,2	0,3	12,7
	DGC	42.345	111.500	134.000	102.000	0,09	3,53	1,36	-12,14	0,90	15,4	3,2	22,4	17,8	31,2
	DCM	18.714	35.350	40.050	29.850	5,52	-4,33	-4,59	-8,18	3,82	14,8	1,9	12,6	5,8	43,2
	DPM	14.362	36.700	39.950	31.050	6,07	4,26	5,76	1,38	5,16	24,2	1,3	5,3	8,6	40,4
	HSG	11.830	19.050	25.600	16.700	9,17	0,26	-8,85	-13,61	-16,81	20,1	1,0	5,3	9,2	39,8
	NKG	7.116	15.900	21.150	13.300	19,55	5,21	-7,65	-18,52	-15,48	11,8	0,9	8,0	7,8	42,2
	PTB	4.110	61.400	76.500	57.700	-1,60	-1,13	-6,26	-12,66	7,53	11,0	1,4	13,2	23,5	1,5
Bất động sản	VHM	169.225	41.200	46.000	34.600	4,30	0,24	0,73	3,13	-7,21	5,9	0,9	16,4	12,3	37,8
	VIC	157.535	41.200	48.700	40.150	1,98	1,23	-7,21	-8,55	-9,65	13,4	1,1	9,4	8,7	39,3
	BCM	78.350	75.700	75.900	50.700	9,24	14,35	8,92	20,73	19,40	37,2	4,0	11,1	2,2	31,8
	VRE	39.538	17.400	27.200	16.300	5,14	-3,33	-10,77	-22,49	-37,41	9,9	1,0	10,3	18,4	30,6
	KDH	33.873	33.500	35.950	29.091	-3,60	1,36	-1,60	1,66	13,73	42,8	2,0	4,9	37,2	12,8
	KBC	22.798	29.700	35.900	24.600	2,41	6,83	10,82	-7,48	-4,81	54,0	1,2	2,3	19,3	29,7
	SIP	19.159	91.000	91.400	66.522	11,66	16,07	19,89	15,00	26,08	17,1	4,5	27,7	4,6	44,4
	VPI	19.043	59.500	59.900	46.417	0,85	3,12	3,12	21,43	22,05	68,1	4,4	6,6	11,2	37,8
	PDR	17.375	19.900	29.724	16.950	4,19	-5,91	-9,13	-22,27	-23,25	33,2	1,5	5,0	7,9	42,1
	DXG	14.195	16.300	19.475	12.040	6,89	-2,35	7,19	1,13	-5,87	48,0	1,2	2,5	19,5	30,5
	NLG	13.362	14.600	23.143	11.600	17,74	2,82	-11,52	-18,46	-30,32	42,0	1,3	3,2	43,6	6,4
	CEO	7.890	34.700	45.850	32.150	-4,80	-9,40	-15,16	-21,49	-9,16	27,1	1,4	5,1	4,0	45,0
	NTC	5.652	235.500	240.000	179.500	8,18	23,30	16,64	10,30	14,21	19,1	6,0	35,8	2,1	-2,1
	IJC	5.591	7.390	8.680	5.500	10,30	-2,51	21,15	-6,46	5,57	29,8	0,7	2,4	4,6	44,4
	DXS	4.280	14.800	16.950	13.050	8,82	10,45	4,59	-1,00	0,68	15,6	1,1	7,5	18,9	31,1
	LHG	1.855	37.100	43.700	31.500	6,30	2,20	-3,51	5,40	5,70	10,0	1,1	11,3	17,5	31,5
Xây dựng cơ bản	VEA	53.551	40.300	50.900	35.200	1,51	5,77	-8,20	-10,84	10,11	8,6	2,1	24,6	1,9	47,1
	REE	34.101	72.400	74.200	50.174	11,38	8,06	5,54	14,38	36,05	17,1	1,8	11,0	49,0	0,0
	VGC	23.359	52.100	60.900	39.650	4,83	25,69	16,04	-7,95	-2,98	21,2	2,8	13,7	4,9	44,1

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật ngày 28/02/2025. Lưu ý: Các cổ phiếu được chọn được nắm giữ bởi ít nhất bốn quỹ ETF khác nhau; các mã được làm nổi bật là thành viên của VN30.

④ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Tổng hợp thông tin các cổ phiếu theo dõi (tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)					Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
			Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
Xây dựng cơ bản	GEX	19.552	22.750	25.300	17.800	12,62	20,69	5,81	-5,21	0,89	12,3	1,4	12,3	6,2	43,8
	IDC	18.876	57.200	64.300	50.000	4,57	4,38	-6,08	-10,90	-2,56	9,4	3,3	37,7	22,6	26,4
	HUT	14.994	16.800	20.000	14.200	7,01	6,33	-2,33	-7,69	-11,11	111,4	1,8	1,6	1,4	48,7
	CTR	13.772	120.400	162.000	104.000	-8,51	2,38	-4,52	-9,61	17,46	25,3	7,4	28,2	9,7	39,3
	VCG	12.780	21.350	23.482	17.050	8,38	22,00	11,49	4,65	-2,40	13,7	1,6	12,2	4,9	44,1
	DIG	12.136	19.900	33.950	17.450	12,43	-2,21	-17,26	-28,55	-26,30	116,7	1,6	1,4	4,3	44,7
	TCH	11.694	17.500	21.650	12.850	15,13	11,82	-5,15	-9,79	33,59	12,0	1,2	10,8	5,3	45,7
	BMP	9.782	119.500	136.100	93.000	-5,76	-3,32	14,90	7,66	5,29	9,9	3,6	36,8	83,9	16,2
	HDG	9.468	28.150	32.000	22.818	6,03	-2,60	-0,35	-11,15	16,19	16,4	1,5	9,4	19,6	30,4
	CTD	9.194	92.000	95.000	61.000	25,51	40,67	44,43	22,34	36,90	23,9	1,0	4,4	49,0	0,0
	PC1	8.583	24.000	27.783	21.304	4,35	4,35	-4,00	-5,64	-0,36	20,7	1,6	7,8	14,0	36,0
	SZC	8.207	45.600	46.100	34.550	7,80	12,73	22,58	0,44	5,68	26,9	2,6	12,5	2,3	17,7
	DPG	3.065	48.650	62.500	39.800	8,35	-5,17	-8,03	-15,68	20,42	13,8	1,6	11,8	6,2	42,8
Thực phẩm và Đồ uống	MCH	156.666	149.000	173.728	84.613	-2,24	-3,22	3,39	14,45	75,22	21,4	5,9	29,7	2,7	47,3
	VNM	129.995	62.200	75.600	60.300	0,00	-3,57	-15,83	-6,89	-13,85	15,5	4,0	26,3	51,3	48,7
	MSN	97.376	67.700	81.400	65.400	-0,44	-6,49	-12,19	-10,33	-0,88	50,4	3,2	7,0	26,4	22,6
	SAB	66.052	51.500	69.400	51.400	-4,28	-7,21	-10,28	-15,57	-10,75	15,4	2,8	18,2	60,7	39,3
	QNS	18.529	50.400	52.200	45.200	-0,40	-0,79	4,78	0,40	4,13	7,0	1,8	26,9	13,4	35,7
	KDC	16.954	58.500	62.624	49.600	-0,34	14,04	5,79	-2,87	0,04	401,4	2,6	0,6	18,0	32,0
	VHC	16.138	71.900	80.000	65.000	5,58	0,56	-3,10	-2,31	0,70	12,8	1,9	14,5	27,1	72,9
	HAG	13.746	13.000	14.800	10.100	6,56	8,79	18,18	-13,04	3,59	13,8	1,6	13,5	2,3	46,7
	SBT	11.037	13.550	13.800	9.727	10,16	21,18	17,36	21,18	11,23	15,7	1,1	6,4	21,3	78,7
	DBC	9.906	29.600	32.304	22.368	16,54	11,70	4,04	-2,81	13,93	10,9	1,5	13,5	8,3	40,7
	PAN	5.901	28.250	29.200	20.450	12,55	25,00	23,90	18,45	21,24	9,8	1,1	12,1	19,5	29,6

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật ngày 28/02/2025. Lưu ý: Các cổ phiếu được chọn được nắm giữ bởi ít nhất bốn quỹ ETF khác nhau; các mã được làm nổi bật là thành viên của VN30.

④ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Tổng hợp thông tin các cổ phiếu theo dõi (tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)					Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
			Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
Tiện ích	GAS	159.302	68.000	83.725	66.600	0,15	-1,88	-17,23	-15,31	-11,08	15,6	2,7	16,7	1,7	47,3
	POW	28.688	12.250	15.300	10.450	6,52	-1,61	-10,26	-1,61	3,81	23,0	0,9	4,0	3,7	45,4
	BWE	9.897	45.000	48.400	35.789	-4,05	0,00	1,01	8,70	19,58	18,7	1,9	10,5	11,6	37,5
	QTP	6.300	14.000	17.700	13.500	3,70	0,72	-4,76	-17,65	-6,67	10,2	1,2	10,7	0,9	48,1
	NT2	5.959	20.700	26.500	18.300	5,61	6,70	5,08	-10,78	-20,08	82,7	1,4	1,7	13,7	35,3
Dầu khí	PLX	55.334	43.550	51.700	34.550	10,25	8,88	-11,84	4,81	20,30	20,4	2,2	11,1	17,4	2,6
	PVS	17.016	35.600	47.300	31.800	7,88	5,01	-11,44	-21,41	-4,30	14,4	1,3	9,0	19,4	29,6
	PVD	13.758	24.750	34.300	22.100	4,87	4,87	-10,33	-22,90	-19,64	24,8	0,9	4,5	9,8	39,2
	PVT	9.506	26.700	32.000	23.850	2,30	-0,37	-6,64	-12,32	8,78	8,7	1,2	15,1	12,5	36,5
May mặc và trang sức	PNJ	31.763	94.000	109.600	89.200	-3,69	1,29	-7,48	-0,95	4,21	15,3	2,8	20,1	49,0	0,0
	MSH	4.598	61.300	61.500	40.000	17,88	16,98	24,34	23,71	52,87	13,3	2,4	18,5	4,6	44,4
	TCM	4.176	41.000	53.600	36.318	-3,30	-12,86	-15,29	-15,07	4,04	16,1	1,8	12,2	50,0	0,0
	TNG	2.881	23.500	28.300	17.685	-2,08	-5,24	-16,07	-1,25	18,60	9,1	1,5	17,4	16,3	32,7
Bán lẻ	MWG	85.205	58.300	70.200	46.100	-3,00	-2,83	-15,99	-5,20	28,70	23,1	3,1	14,6	45,9	3,1
	FRT	24.932	183.000	209.400	137.000	-11,17	3,45	2,12	12,68	34,26	78,1	13,0	18,1	36,6	12,4
	DGW	8.723	39.800	53.769	37.300	4,74	-3,28	-14,90	-19,78	-6,61	19,6	2,9	15,9	19,5	29,5
Phần mềm và dịch vụ	FPT	206.391	140.300	154.500	94.783	-8,54	0,65	5,25	17,77	48,71	26,2	6,9	28,6	45,0	4,0
	CMG	9.383	44.400	67.207	34.685	-5,73	-9,40	-5,77	-20,64	23,21	27,8	3,0	11,9	35,3	14,7
Dịch vụ viễn thông	FOX	48.906	99.300	115.000	54.600	-7,63	4,64	8,17	24,91	66,61	23,7	5,8	26,2	0,0	0,0
	TTN	768	20.900	26.000	8.500	-17,06	16,76	33,97	59,54	143,02	26,7	1,7	6,4	1,0	48,0
Vận tải	ACV	231.192	106.200	138.000	80.000	-12,59	-14,56	-3,37	4,32	27,03	31,9	4,6	18,0	3,5	45,5
	VJC	51.995	96.000	119.400	96.000	-3,81	-6,07	-7,51	-12,41	-7,16	36,8	3,1	8,9	13,1	16,9
	GMD	25.129	60.700	73.671	60.600	-5,01	-6,18	-11,13	-14,34	-4,97	16,4	2,0	13,0	45,6	3,4
	HAH	6.455	53.200	54.900	32.609	7,04	11,65	29,44	45,67	43,28	10,3	1,9	20,7	13,9	16,1
	HHV	5.468	12.650	15.048	10.400	3,27	15,53	7,66	1,78	-14,31	13,4	0,6	4,8	8,1	41,0
	VIP	1.096	16.000	17.150	10.800	13,48	13,07	24,51	11,89	44,14	10,7	0,8	7,7	9,7	39,3
Dịch vụ thương mại	TLG	5.602	64.800	71.800	42.227	2,86	1,57	27,29	36,55	54,29	13,5	2,4	18,7	22,7	77,3

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật ngày 28/02/2025. Lưu ý: Các cổ phiếu được chọn được nắm giữ bởi ít nhất bốn quỹ ETF khác nhau; các mã được làm nổi bật là thành viên của VN30.

Phụ lục

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo này được công bố bởi CTCP Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS), công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thiện chí và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan, đại diện hoặc bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, về tính công bằng, chính xác, đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt, bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này.

Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương, các thông lệ chung, luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vi phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết, chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây.

Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá, và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này.

MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định, quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ, nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán, hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác, trong từng trường hợp, với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có, hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành.

Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản, toàn bộ hoặc một phần, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

Không part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.